

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (4 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi

Này của Xuân Hương mới quệt rồi

Có phải duyên nhau thì thăm lại

Đình xanh như lá, bạc như vôi.

Trước mắt chúng ta là bài thơ Mời trầu. Bạn hãy tạm không cần biết nó là của ai? Người ấy thế nào? tình duyên ra sao? Sống ở nơi nơi nào?... Có nghĩa là tạm gạt sang một bên tất cả những yếu tố bên ngoài tác phẩm. Và bây giờ bạn hãy đọc bài thơ lên, lắng nghe tiếng lòng tác giả, chỉ ra những suy nghĩ của người làm ra nó, chứa chất đằng sau mỗi câu mỗi chữ. Chúng ta hãy phân tích từ văn bản...

[...] Câu thơ mở đầu như một lời tâm sự bộc bạch “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi”. Thể hiện rõ sắc thái nhún nhường và có phần mặc cảm về thân phận thấp bé nho nhỏ; về số kiếp hèn mọn – *miếng trầu hôi*; âm sắc của từ *nho nhỏ* kết hợp với hình ảnh *miếng trầu hôi* gợi lên văng vẳng lời than thân trách phận.

[...] Xuất hiện gần như đối lập với sắc thái tình cảm trên là nhịp tình cảm căng thẳng chất chúa: “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”.

Câu thơ vang lên như lời nhắn gửi, răn đe, trước hết do từ *Này*. Đại từ chỉ thị “*này*” vốn chỉ trầu cau ở trên, nhưng do đặt ở đầu câu hai nên nó còn nhập luôn vào hệ thống từ răn đe: “*Này, liệu hồn đấy*”; “*Này này chị bảo cho mà biết*”. Cách xưng hô ở đây cũng rất độc đáo: “*Này của Xuân Hương*” – một cách xưng hô bằng vai phải lứa và có phần trịnh thượng. Người mời đã kéo tuốt người được mời xuống ngang hàng với mình một cách sòng phẳng và

dân chủ; hơn nữa, còn hạ đối tượng người được mời xuống thấp hơn mình nhiều bằng động từ nôm na mạch què: quệt.

[...]

(Đỗ Ngọc Thống, *Một cách xem Hồ Xuân Hương “Mời trầu”*)

Câu 1. Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 2. Đề bàn luận về bài thơ, cách làm của người viết là gì?

- A. Đọc bài thơ để lắng nghe tiếng lòng của tác giả
- B. Tìm hiểu các tư liệu liên quan đến tác phẩm
- C. Chỉ ra những suy nghĩ của người làm ra nó (bài thơ)
- D. A và C là phương án đúng

Câu 3. Người viết đã nhận xét về câu mở đầu bài thơ *Mời trầu* “như một lời bộc bạch tâm sự”. Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 4. *Nho nhỏ, miếng trầu hôi* được trích dẫn từ câu thơ mở đầu bài *Mời trầu* được gọi là gì?

- A. Là từ ngữ được người viết sử dụng trong quá trình bàn luận
- B. Là chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng của tác phẩm cần bàn luận
- C. Là tư tưởng, tình cảm của tác giả thể hiện trong tác phẩm

D. Là tư tưởng, tình cảm, ý kiến của người viết bài nêu ra khi bàn luận

Câu 5. Theo người viết, từ *nhỏ nhỏ* được sử dụng trong bài thơ có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện sự nhún nhường và có phần mặc cảm về thân phận

B. Để miêu tả hình ảnh quả cau – quả cau nhỏ nhỏ

C. Kết hợp với *miếng trầu hôi* để gọi sự than thân trách phận

D. A và C là phương án đúng

Câu 6. Dòng nào sau đây nêu đúng vai trò của câu văn *Xuất hiện gần như đối lập với sắc thái tình cảm trên là nhịp tình cảm căng thẳng, chát chúa: “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”* trong đoạn trích?

A. Là ý kiến của người viết

B. Là lí lẽ của người viết

C. Là bằng chứng người viết đưa ra

D. Là lập luận của người viết

Câu 7. Trong câu văn *Chúng ta hãy phân tích từ văn bản*, phó từ **hãy** bổ sung ý nghĩa gì?

A. Thời gian

B. Cầu khiến

C. Sự tiếp diễn

D. Sự phủ định

Câu 8. Vì sao người viết chỉ lựa chọn một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong văn bản để bàn luận?

A. Vì nếu phân tích tất cả các từ ngữ, chi tiết... thì văn bản sẽ rất dài

B. Vì không hiểu hết tất cả các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong văn bản

C. Vì đó là các từ khóa quan trọng thể hiện nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm

D. Vì đó là sở thích của người Việt

Câu 9. Bài thơ *Mời trâu* của Hồ Xuân Hương được tác giả Đỗ Ngọc Thông phân tích theo trình tự nào? Các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh nào đã được sử dụng?

Câu 10. Hãy nêu một ví dụ về ý kiến, lí lẽ hay bằng chứng được tác giả nêu lên trong đoạn trích mà em thấy độc đáo, sâu sắc. Lí giải ngắn gọn.

Phần II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

Em đã được tham gia nhiều trò chơi dân gian hoặc được chứng kiến các hoạt động học tập vui chơi. Có hoạt động cá nhân, có hoạt động tập thể. Có nhiều trò chơi hay hoạt động đặc biệt đã theo suốt tuổi thơ của mình hoặc không ít những trò chơi hay hoạt động độc đáo mang bản sắc văn hóa từng vùng miền đất nước. Em hãy viết bài văn thuyết minh quy tắc, luật lệ về một trò chơi hoặc một hoạt động mà em thích nhất.

ĐÁP ÁN:

Phần I:

Câu 1 (0.25 điểm):

Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết:

Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính là nghị luận

=> Đáp án: D

Câu 2 (0.25 điểm):

Đề bàn luận về bài thơ, cách làm của người viết là gì?

- A. Đọc bài thơ để lắng nghe tiếng lòng của tác giả
- B. Tìm hiểu các tư liệu liên quan đến tác phẩm
- C. Chỉ ra những suy nghĩ của người làm ra nó (bài thơ)
- D. A và C là phương án đúng

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

Đề bàn luận về bài thơ, cách làm của người viết là đọc bài thơ để lắng nghe tiếng lòng của tác giả đồng thời chỉ ra những suy nghĩ của người làm ra nó

=> Đáp án: D

Câu 3 (0.25 điểm):

Người viết đã nhận xét về câu mở đầu bài thơ *Mời trâu* “như một lời bộc bạch tâm sự”.

Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 4 (0.25 điểm):

Nho nhỏ, miếng trầu hôi được trích dẫn từ câu thơ mở đầu bài *Mời trầu* được gọi là gì?

- A. Là từ ngữ được người viết sử dụng trong quá trình bàn luận
- B. Là chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng của tác phẩm cần bàn luận
- C. Là tư tưởng, tình cảm của tác giả thể hiện trong tác phẩm
- D. Là tư tưởng, tình cảm, ý kiến của người viết bài nêu ra khi bàn luận

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Nho nhỏ, miếng trầu hôi được trích dẫn từ câu thơ mở đầu bài *Mời trầu* được gọi là chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng của tác phẩm cần bàn luận

=> Đáp án: B

Câu 5 (0.25 điểm):

Theo người viết, từ *nho nhỏ* được sử dụng trong bài thơ có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện sự nhún nhường và có phần mặc cảm về thân phận
- B. Để miêu tả hình ảnh quả cau – quả cau nho nhỏ
- C. Kết hợp với *miếng trầu hôi* để gợi sự than thân trách phận
- D. A và C là phương án đúng

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Theo người viết, từ *nhỏ nhỏ* được sử dụng trong bài thơ có ý nghĩa thể hiện sự nhún nhường và có phần mặc cảm về thân phận đồng thời kết hợp với *miếng trầu hôi* để gọi sự than thân trách phận

=> Đáp án: D

Câu 6 (0.25 điểm):

Dòng nào sau đây nêu đúng vai trò của câu văn *Xuất hiện gần như đối lập với sắc thái tình cảm trên là nhịp tình cảm căng thẳng, chát chúa: “Này của Xuân Hương mới quệt rôi”* trong đoạn trích?

- A. Là ý kiến của người viết
- B. Là lí lẽ của người viết
- C. Là bằng chứng người viết đưa ra
- D. Là lập luận của người viết

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 7 (0.25 điểm):

Trong câu văn *Chúng ta hãy phân tích từ văn bản*, phó từ **hãy** bổ sung ý nghĩa gì?

- A. Thời gian
- B. Cầu khiến
- C. Sự tiếp diễn
- D. Sự phủ định

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức về phó từ

Lời giải chi tiết:

Phó từ **hãy** bổ sung ý nghĩa cầu khiến

=> Đáp án: B

Câu 8 (0.25 điểm):

Vì sao người viết chỉ lựa chọn một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong văn bản để bàn luận?

- A. Vì nếu phân tích tất cả các từ ngữ, chi tiết... thì văn bản sẽ rất dài
- B. Vì không hiểu hết tất cả các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong văn bản
- C. Vì đó là các từ khóa quan trọng thể hiện nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm
- D. Vì đó là sở thích của người Việt

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Người viết chỉ lựa chọn một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong văn bản để bàn luận vì đó là các từ khóa quan trọng thể hiện nội dung, nghệ thuật, tư tưởng của tác phẩm

=> Đáp án: C

Câu 9 (1.0 điểm):

Bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương được tác giả Đỗ Ngọc Thông phân tích theo trình tự nào? Các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh nào đã được sử dụng?

Phương pháp giải:

Chỉ ra đúng trình tự phân tích và các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh đã được tác giả dẫn ra trong qua trình bản luận

Lời giải chi tiết:

- Bài thơ *Mời trầu* được tác giả phân tích theo thứ tự các câu thơ.
- Trong mỗi câu, người viết đã dẫn ra những từ ngữ, chi tiết, hình ảnh:
- + Câu 1: *nhỏ nhỏ, miếng trầu hôi*.
- + Câu 2: *này, quệt*

Câu 10 (1.0 điểm):

Hãy nêu một ví dụ về ý kiến, lí lẽ hay bằng chứng được tác giả nêu lên trong đoạn trích mà em thấy độc đáo, sâu sắc. Lí giải ngắn gọn.

Phương pháp giải:

Nêu được một ví dụ về ý kiến, lí lẽ hay bằng chứng được tác giả sử dụng độc đáo, sâu sắc

Lời giải chi tiết:

- Ý kiến độc đáo, sâu sắc: *Xuất hiện gần như đối lập với sắc thái tình cảm trên là nhịp tình cảm căng thẳng, chát chúa: “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”.*

Lí giải: ý kiến của người viết rất xác đáng, phù hợp với nội dung câu thơ.

Ý kiến được đặt trong câu văn có sự liên kết tự nhiên với đoạn văn trước đó đồng thời mở ra nội dung phân tích câu thơ thứ hai một cách hợp lí.

- Lí lẽ độc đáo, sâu sắc: *Cách xưng hô ở đây cũn rất độc đáo: “Này của Xuân Hương”* - một cách xưng hô bằng vai phải lứa và có phần trịnh thượng.

Lí giải: lí lẽ của người viết độc đáo, sâu sắc vì vừa phân tích được cách xưng hô của tác giả sử dụng đồng thời thể hiện sự phát hiện độc đáo, tinh tế.

Phần II (6 điểm)

Em đã được tham gia nhiều trò chơi dân gian hoặc được chứng kiến các hoạt động học tập vui chơi. Có hoạt động cá nhân, có hoạt động tập thể. Có nhiều trò chơi hay hoạt động đặc biệt đã theo suốt tuổi thơ của mình hoặc không ít những trò chơi hay hoạt động độc đáo mang bản sắc văn hóa từng vùng miền đất nước. Em hãy viết bài văn thuyết minh quy tắc, luật lệ về một trò chơi hoặc một hoạt động mà em thích nhất.

Phương pháp giải:

Gợi ý:

1. Mở bài: Nêu được lí do sẽ giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động động hay trò chơi.

2. Thân bài

- Hoạt động hay trò chơi đó diễn ra ở đâu? Thời gian nào?

- Hoạt động hay trò chơi đó dành cho lứa tuổi nào?

- Mục đích của hoạt động hay trò chơi đó

- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào?

- Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó ra sao?

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

3. Kết bài: Khẳng định giá trị và ý nghĩa của trò chơi và hoạt động đối với con người và cuộc sống

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo thuyết minh về trò chơi thả diều

1. Mở bài

Nếu được lí do sẽ giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi: trò chơi thả diều

2. Thân bài

- *Hoạt động hay trò chơi đó diễn ra ở đâu? Thời gian nào?*

Thả trên cánh đồng hay bờ đê hoặc nơi có nhiều gió

- *Hoạt động hay trò chơi đó dành cho lứa tuổi nào?*

Trò chơi này cho mọi lứa tuổi

- *Mục đích của hoạt động hay trò chơi đó.*

Mang lại cho con người những cảm xúc vui vẻ đầy ắp kỷ niệm, rèn luyện cho con người sự khéo léo khi làm diều, óc quan sát, nhận định khi thả diều.

- *Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó ra sao?*

* **Đặc điểm:**

- Hình dáng, chủng loại phong phú: Hình thoi, hình vuông, rồi lại có cái hình cánh cung, hình ông trăng, cầu kỳ hơn nữa thì có diều hình long, hình phượng, thậm chí có cả hình người.

- Phong phú về màu sắc, kích thước của diều cũng vô số kể.

* **Cách làm diều thông thường:**

- Khung diều: Dùng các thanh tre dài từ 70 – 90cm làm khung, thông thường là khung hình chữ thập, trong đó thanh ngang là thanh kép gồm một thanh thẳng và một thanh uốn cong như hình cánh cung, khung phải cân đối và chắc chắn.

- Cắt giấy theo hình khung rồi dùng hồ dán vào khung cho chặt.

- Đuôi điều chính là phần quyết định xem điều của bạn có bay được hay không, cắt ra ba dải giấy dài gấp rưỡi hoặc gấp đôi thân điều, một dải dài, hai dải kia ngắn hơn và bằng nhau, sau đó đem gắn chúng vào đuôi điều.

- Cuối cùng, khâu cột dây điều vào đầu điều, nên chọn loại dây mảnh nhưng dai như dây cước hoặc dây chỉ cỡ lớn.

* Cách thả điều:

- Chọn khu vực quang đãng không có cây cối, cột điện, nhà cửa.

- Người thả một tay cầm điều giơ cao hơn đầu, một tay cầm dây, chạy ngược hướng gió rồi buông điều ra kết hợp với việc thả dây cho điều bay lên cao.

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

+ Người Trung Quốc cổ đại có tục lệ thả điều vào tiết Thanh minh để xua đuổi tà khí.

+ Là một nghi thức cầu an của các nhà sư

+ Được xem là vật dâng hiến thần linh trong các nghi lễ của vua chúa, quần thần vào dịp lễ lớn.

+ Là một vật dụng để truyền tin trong quân sự

+ Ngày nay cánh điều còn mang ý nghĩa tượng trưng cho ước mơ, hy vọng bay cao, bay xa hướng tới những chân trời mới.

3. Kết bài

Khẳng định giá trị và ý nghĩa của trò chơi và hoạt động đối với con người và cuộc sống: Thả điều là một trò chơi dân gian thú vị, mang lại cho con người những cảm xúc vui vẻ đầy ắp kỷ niệm, rèn luyện cho con người sự khéo léo khi làm điều, óc quan sát, nhận định khi thả điều.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 2**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (4 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Lời ru của mẹ

(Xuân Quỳnh)

*Lời ru ản nơi nào**Và khi con đến lớp**Giữa mênh mang trời đất**Lời ru ở cổng trường**Khi con vừa ra đời**Lời ru thành ngọn cỏ**Lời ru về mẹ hát.**Đón bước bàn chân con**Lúc con nằm ảm ảp**Mai rồi con lớn khôn**Lời ru là tấm chăn**Trên đường xa nắng gắt**Trong giấc ngủ ảm đêm**Lời ru là bóng mát**Lời ru thành giấc mộng**Lúc con lên núi thăm**Lời ru cũng gập ghềnh**Khi con vừa tỉnh giấc**Khi con ra biển rộng**Thì lời ru đi chơi**Lời ru thành mênh mông.*

Lời ru xuống ruộng khoai

(Thơ Xuân Quỳnh, Kiều Văn chủ biên,

NXB Đồng Nai, 1997)

Ra bờ ao rau muống.

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ mấy chữ?

A. Thơ bốn chữ

B. Thơ bảy chữ

C. Thơ năm chữ

D. Thơ tám chữ

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 3. Đây là chủ đề của bài thơ?

A. Tình mẫu tử

B. Tình phụ tử

C. Tình bạn

D. Tình yêu quê hương đất nước

Câu 4. Bài thơ có cách ngắt nhịp phổ biến như thế nào?

A. Nhịp 2/3

B. Nhịp 3/2

C. Nhịp 1/4

D. A và B đúng

Câu 5. Đọc bài thơ, em thấy *Lời ru* ẩn nơi nào?

A. Ở ruộng khoai, ao rau muống

B. Ở cổng trường

C. Trên đường, trên núi, ngoài biển

D. Ở khắp mọi nơi

Câu 6. Lời ru của mẹ ở bên con khi nào?

A. Lúc con chào đời

B. Lúc con đi học

C. Khi con khôn lớn

D. Suốt cuộc đời con

Câu 7. Trong câu thơ: *Lời ru cũng gập ghềnh* đã sử dụng phó từ *cũng* đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 8. Câu nào sau đây có nội dung gần gũi nhất với ý thơ trong bài thơ trên?

A. Đời con mẹ bế mẹ bồng

Mẹ ru con cả tiếng lòng thương yêu

B. Đứa trẻ nhỏ giữa dòng đời quanh quẽ

Thè một lần khe khẽ tiếng mẹ ru

C. Mẹ ngồi hát khúc đưa nôi

Lời ru thăm gọi sinh sôi hạt vàng

D. Gió đưa kẻo kẹt cành tre

Àu ơ ru giấc trưa về mùa thu

Câu 9. Nêu tác dụng của biện pháp điệp ngữ “lời ru” trong bài thơ

Câu 10. Em hãy viết khoảng 3 – 5 dòng chia sẻ suy nghĩ của mình về ý nghĩa của lời ru trong cuộc sống.

Phần II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

Dựa vào các văn bản đã học (“Ca Huế”, “Hội thi thổi cơm”, “Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

ĐÁP ÁN:

Phần I:

Câu 1 (0.25 điểm):

Bài thơ được viết theo thể thơ mấy chữ?

- A. Thơ bốn chữ
- B. Thơ bảy chữ
- C. Thơ năm chữ
- D. Thơ tám chữ

Phương pháp giải:

Chú ý số tiếng/dòng của mỗi khổ

Lời giải chi tiết:

Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ

=> Đáp án: C

Câu 2 (0.25 điểm):

Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Miêu tả
- D. Nghị luận

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là biểu cảm

=> Đáp án: B

Câu 3 (0.25 điểm):

Đâu là chủ đề của bài thơ?

- A. Tình mẫu tử
- B. Tình phụ tử
- C. Tình bạn
- D. Tình yêu quê hương đất nước

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

Chủ đề: Tình mẫu tử

=> Đáp án: A

Câu 4 (0.25 điểm):

Bài thơ có cách ngắt nhịp phổ biến như thế nào?

- A. Nhịp 2/3
- B. Nhịp 3/2
- C. Nhịp 1/4
- D. A và B đúng

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ, chú ý cách gieo vần

Lời giải chi tiết:

Bài thơ có cách ngắt nhịp: 2/3, 3/2

=> Đáp án: D

Câu 5 (0.25 điểm):

Đọc bài thơ, em thấy *Lời ru ản* nơi nào?

- A. Ở ruộng khoai, ao rau muống
- B. Ở công trường
- C. Trên đường, trên núi, ngoài biển
- D. Ở khắp mọi nơi

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 6 (0.25 điểm):

Lời ru của mẹ ở bên con khi nào?

- A. Lúc con chào đời
- B. Lúc con đi học
- C. Khi con khôn lớn
- D. Suốt cuộc đời con

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 7 (0.25 điểm):

Trong câu thơ: *Lời ru cũng gập ghềnh* đã sử dụng phó từ *cũng* đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 8 (0.25 điểm):

Câu nào sau đây có nội dung gần gũi nhất với ý thơ trong bài thơ trên?

A. Đòi con mẹ bé mẹ bông

Mẹ ru con cả tiếng lòng thương yêu

B. Đứa trẻ nhỏ giữa dòng đời quạnh quẽ

Thè một lần khe khẽ tiếng mẹ ru

C. Mẹ ngồi hát khúc đưa nôi

Lời ru thâm gọi sinh sôi hạt vàng

D. Gió đưa kéo kệt cành tre

Ầu ơ ru giấc trưa về mùa thu

Phương pháp giải:

Đọc kỹ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 9 (0.5 điểm):

Nêu tác dụng của biện pháp điệp ngữ “lời ru” trong bài thơ

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức về điệp ngữ

Lời giải chi tiết:

- Điệp ngữ “Lời ru” lặp đi lặp lại trong bài (11 lần) tạo nhịp điệu quen thuộc và âm hưởng dịu dạt như lời hát ru, diễn tả được sự yên bình và hạnh phúc khi bên cạnh mẹ.
- Lời ru có ở khắp nơi, theo con từ lúc sinh ra đến khi khôn lớn, dù bất cứ nơi nào mẹ cũng dành cho con những điều tốt đẹp nhất.

Câu 10 (1.0 điểm):

Em hãy viết khoảng 3 – 5 dòng chia sẻ suy nghĩ của mình về ý nghĩa của lời ru trong cuộc sống.

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của bản thân em

Lời giải chi tiết:

- Lời ru mang đến cho con giấc ngủ ngon, thể hiện sự che chở, nâng đỡ, dịu dạt của mẹ đối với những đứa con, chấp cánh cho con bao ước mơ tươi đẹp.

- Lời ru thường chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được muốn xây dựng cho đứa con: tình yêu thương, nhắn nhủ, bảo ban, khuyên dạy...

- Từ câu hát ru của mẹ mà con hiểu cuộc đời, hiểu được sự vất vả và tình yêu thương mà mẹ dành cho con. Lời ru của mẹ đã chắp cho con đôi cánh, đã cho con ước mơ, niềm tin, và nghị lực để con bay cao bay xa.

- Lời ru là điều thiêng liêng, cao đẹp trong cuộc sống này. Mẹ đã gửi gắm vào lời ru biết bao tâm tình, ước mong dành cho con. Lời ru của mẹ là tài sản quý giá nhất mà con có.

Phần I (6 điểm)

Dựa vào các văn bản đã học (“Ca Huế”, “Hội thi thổi cơm”, “Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

Phương pháp giải:

- Xác định hoạt động hay trò chơi sẽ viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ
- Xem lại văn bản đọc hiểu về các hoạt động hay trò chơi đó
- Tìm hiểu thêm thông tin và thu nhập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi định thuyết minh

Lời giải chi tiết:

Dàn ý:

- **Mở bài:** Giới thiệu hoạt động hay trò chơi.

Ví dụ: Ca Huế là một trong những hoạt động văn hóa rất đặc sắc của vùng đất cố đô Huế.

Trong ca Huế, có nhiều quy định rất đặc sắc.

- **Thân bài:** Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định.

Ví dụ: Ca Huế

- + Môi trường diễn xướng: không gian hẹp
- + Số lượng ca sĩ, nhạc công, người xem và các nhạc cụ: hạn chế, từ 8-10 người, 4-5 nhạc cụ...
- + Cách thức biểu diễn:...
- **Kết bài:** Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi

Bài tham khảo:

Lễ hội là tín ngưỡng văn hóa của mỗi dân tộc. Hầu như làng, xã nào cũng có lễ hội được tổ chức vào đầu xuân. Mọi người dân Thuận Thành, Bắc Ninh thường có câu ca:

Dù ai buôn dâu, bán dâu

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về

Dù ai buôn bán trăm nghề

Nhớ ngày mồng tám thì về hội Dâu.

Câu ca dao như một lời nhắc nhở các tín đồ Phật giáo hãy nhớ về hội Dâu được tổ chức vào đầu xuân hàng năm.

Hội Dâu được tổ chức vào mùng 8 tháng 4 âm lịch hàng năm. Chùa Dâu là một ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào những năm đầu thế kỷ XV. Mặc dù vậy chùa Dâu vẫn giữ được những nét nguyên bản từ khi được xây dựng tới nay. Hàng năm, chùa Dâu thu hút rất nhiều tín đồ đến thắp hương, đặc biệt là vào dịp lễ hội. Vào mỗi dịp lễ hội, người dân háo hức tổ chức sửa sang chùa chiền. Ngay từ chiều mùng 7 đã có lễ rước các bà Dâu, bà Đậu, bà Đản, bà Keo mà theo truyền thuyết bốn bà được tạc từ một cây dâu, chị cả là bà Dâu nên chùa Dâu được xây dựng lớn nhất. Đặc biệt vào ngày mồng 7, các vải đến để cúng, quét dọn và làm lễ rửa chùa. Ngày hội chính diễn ra rất sôi động, náo nhiệt. Mọi người đến đây với lòng thành kính, kính mong đức Phật ban cho sự an lành, ấm no. Chùa có rất nhiều gian, điện, đặc biệt có pho tượng Kim Đồng - Ngọc Nữ đạt đến chuẩn mực nghệ thuật cao với các tỉ lệ của người thật. Hành lang hai bên có những pho tượng với nhiều tư thế, nét mặt khác nhau. Người ta đến lễ hội không chỉ để thắp hương, cầu an mà còn để vui chơi, đón không khí ngày xuân. Có rất nhiều trò chơi được tổ chức trong lễ hội như: đu quay, hát quan họ đối đáp, giao duyên giữa

các liền anh, liền chị dưới thuyền rồng với những trang phục mớ ba, mớ bảy cổ truyền. Khắp sân chùa là những hàng bán đồ cúng, những nén hương trầm, hay những đồ chơi dân gian cho trẻ em như sáo, trống... hoặc chỉ là những bông lan thơm ngát. Tất cả tạo ra một không khí cộng đồng ấm cúng. Mọi người quên đi sự bận rộn, quên đi sự bon chen, thách thức để nhớ tới đức phật cùng sự thánh thiện, nhớ tới cõi bình an của tâm hồn. Khoảng 7 giờ sáng ngày 8/4, người ta đã nghe thấy tiếng chiêng, tiếng trống và tiếng cúng tế dâng sớ cầu mong bình an, lay tạ các vị thánh thần, phạt pháp của đội tế lễ tứ sắc chùa lập ra. Đặc biệt, ở lễ hội Dâu thờ Tứ Pháp là Pháp Vân (bà Dâu), Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lô.

Sau khi các cụ làm lễ xong, đoàn rước từ chùa Tổ bắt đầu quay về, hàng đoàn người kéo nhau đi theo hộ tống. Người đi đầu cầm bình nước, người thứ hai dâng hương, tiếp đó là đoàn kiệu được những trai tráng của làng khiêng. Họ mặc những trang phục như quân tốt đồ thời xưa, theo sau là các bà mặc áo nâu đội sớ. Người cầm nước vừa đi vừa cầm cành trúc vẩy nước vào những người xung quanh như ban sự may mắn cho mọi người. Người ta quan niệm rằng ai được vẩy nước vào sẽ may mắn, được Phật ban phước quanh năm và được Phật phù hộ, bảo vệ. Khi hội tan, mọi người về rồi thắp hương ở ngoài sân thờ nhớ lời hẹn gặp năm sau. Nhưng lạ lùng hơn hầu như năm nào sau hội trời cũng mưa và người dân cho đây là lễ tẩy chùa, ở một khía cạnh nào đó thì đây được coi như một điều linh nghiệm huyền bí.

Lễ hội thể hiện trình độ tổ chức cao, sự kết hợp giữa làng xã và ý thức cộng đồng, cuốn hút khách thập phương với những nét nghệ thuật, văn hóa đặc sắc, phong phú. Đối với Bắc Ninh, cái nôi của Phật giáo thì đây là dịp thể hiện sự tài hoa, tinh tế, lịch lãm trong văn hóa ứng xử, giao tiếp. Là một người con của Bắc Ninh, em cảm thấy tự hào về truyền thống của quê hương mình và em sẽ luôn có ý thức bảo vệ và gìn giữ những nét văn hóa ấy, đặc biệt là những lễ hội truyền thống mang đậm nét văn hóa dân tộc vào những ngày đầu xuân.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 3**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (4 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Khi đông đã vào sâu, rét ngọt là một “đặc sản” của Hà Nội. Cái rét đậm mà khô, không vô vấp, ồn ào mà cứ âm thầm, lặng lẽ thấm vào cơ thể, thấu tận xương, thấm tê nhưng không giá băng.

[...] Rét thấm đẫm vào không khí xôm xốp, tràn qua khe cửa, len vào nhà, chui vào giường chiếu khiến trong cơn mê ngủ cũng phải kéo chăn, co mình. Sáng hôm sau tỉnh giấc càng thấm thía cái lạnh tê tái, tràn ngập phố phường. Cái rét như lưỡi dao sắc lẹm cắt vào da thịt, lặng lẽ thấm vào tận xương khiến người ta chỉ muốn nghỉ ngơi, cuộn chăn ngủ vùi.

[...] Rét là thế mà bấy lâu nay, mọi người vẫn ngóng rét ngọt khi mùa về bởi nó được coi là món quà của thiên nhiên dành cho con người. Rét ngọt, trời hanh khiến má trẻ con ửng hồng. Cái lạnh của rét ngọt kéo người ta xích lại gần nhau hơn, lãng mạn hơn.

[...] Rét ngọt khiến người ta trù mến hơn với cả những khoảnh khắc vụn vặt mà thường ngày lãng quên bên rìa cuộc sống mưu sinh. Sà vào một quán cóc khiêm nhường nép bên vỉa hè, nhâm nhi chén trà nóng, cái kẹo lạc, ngồi ngắm người qua lại, ngắm những cây bàng nơi góc phố “cháy” rực để sưởi ấm mùa đông Hà Nội hay quây quần bên bếp ngô, khoai nướng, mía tím nướng, hạt dẻ rang... sẽ thấy sự lãng mạn, trầm tĩnh của mùa xuân ẩn khuất đâu đó trên phố xá, trong lòng người.

(Theo <http://nhipsonghanoi.hanoimoi.com.vn>, ngày 4/1/2021)

Câu 1. Đoạn trích trên mang đặc trưng thể loại văn học nào?

A. Truyện khoa học viễn tưởng

B. Tản văn và tùy bút

C. Tiểu thuyết

D. Văn bản thông tin

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên là gì?

A. Biểu cảm

B. Nghị luận

C. Thuyết minh

D. Tự sự

Câu 3. Trong các câu sau, câu nào miêu tả đặc điểm của rét ngọt Hà Nội?

A. Khi đông đã vào sâu, rét ngọt là một “đặc sản” của Hà Nội

B. Cái rét đậm mà khô, không vò vập, ồn ào mà cứ âm thầm, lặng lẽ thấm vào cơ thể, thấu tận xương, thâm tê nhưng không giá băng

C. Rét ngọt, trời hanh khiến má trẻ con ửng hồng

D. Rét ngọt khiến người ta trìu mến hơn với cả những khoảnh khắc vụn vặt mà thường ngày lãng quên bên rìa cuộc sống mưu sinh

Câu 4. Vì sao tác giả lại khẳng định: rét ngọt là một “đặc sản” của Hà Nội?

A. Vì Hà Nội có nhiều đặc sản nổi tiếng so với nơi khác

B. Vì rét ngọt của Hà Nội mang những đặc trưng riêng

C. Vì rét ngọt vốn có nguồn gốc từ Hà Nội

D. Vì tác giả có thói quen dùng từ như vậy

Câu 5. Các từ *rét, không khí, lạnh, hanh, mùa đông* là thuật ngữ thường sử dụng trong lĩnh vực khoa học nào?

A. Vật lí

B. Hóa học

C. Địa lí

D. Lịch sử

Câu 6. Cái “tôi” của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào?

A. Buồn rầu, nhớ nhung

B. Nhẹ nhàng, lặng lẽ, tinh tế

C. Sôi nổi, sung sướng

D. Căm uất, giận dữ

Câu 7. Cái lạnh của rét ngọt tác động như thế nào đến tình cảm con người?

A. Khiến người ta chỉ muốn nghỉ ngơi, cuộn chăn ngủ vùi

B. Rét ngọt, trời hanh khiến má trẻ con ửng hồng

C. Khiến trong cơn mê ngủ cũng phải kéo chăn, co mình

D. Kéo người ta xích lại gần nhau hơn, lặng mạn hơn

Câu 8. Trong văn bản trên, cách viết có gì đặc sắc?

A. Mang đậm tính triết lí

B. Tình huống gây cấn

C. Giàu chất thơ, chất trữ tình

D. Hệ thống các nhân vật đa dạng

Câu 9. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Cái rét như lưỡi dao sắc lẹm cắt vào da thịt, lặng lẽ thắm vào tận xương khiến người ta chỉ muốn nghỉ ngơi, cuộn chăn ngủ vùi.*

Câu 10. Theo em hiểu, điều gì khiến người viết có ấn tượng sâu sắc đối với rét ngọt của Hà Nội?

Phần II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

Câu 1. Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó.

a) Đã có lúc, Văn Cao tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. (Ngọc An)

b) Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. (Đình Trọng Lạc)

Câu 2. Hãy thuyết minh quy tắc, luật lệ về một trò chơi mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN:**Phần I:****Câu 1 (0.25 điểm):**

Đoạn trích trên mang đặc trưng thể loại văn học nào?

- A. Truyện khoa học viễn tưởng
- B. Tản văn và tùy bút
- C. Tiểu thuyết
- D. Văn bản thông tin

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 2 (0.25 điểm):

Phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Nghị luận
- C. Thuyết minh
- D. Tự sự

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 3 (0.25 điểm):

Trong các câu sau, câu nào miêu tả đặc điểm của rét ngọt Hà Nội?

- A. Khi đông đã vào sâu, rét ngọt là một “đặc sản” của Hà Nội
- B. Cái rét đậm mà khô, không vô vập, ồn ào mà cứ âm thầm, lặng lẽ thấm vào cơ thể, thấu tận xương, thấm tê nhưng không giá băng
- C. Rét ngọt, trời hanh khiến má trẻ con ửng hồng
- D. Rét ngọt khiến người ta trìu mến hơn với cả những khoảnh khắc vụn vặt mà thường ngày lãng quên bên rìa cuộc sống mưu sinh

Phương pháp giải:

Đọc kỹ các câu

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 4 (0.25 điểm):

Vì sao tác giả lại khẳng định: rét ngọt là một “đặc sản” của Hà Nội?

- A. Vì Hà Nội có nhiều đặc sản nổi tiếng so với nơi khác
- B. Vì rét ngọt của Hà Nội mang những đặc trưng riêng
- C. Vì rét ngọt vốn có nguồn gốc từ Hà Nội
- D. Vì tác giả có thói quen dùng từ như vậy

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 5 (0.25 điểm):

Các từ *rét*, *không khí*, *lạnh*, *hanh*, *mùa đông* là thuật ngữ thường sử dụng trong lĩnh vực khoa học nào?

- A. Vật lí
- B. Hóa học
- C. Địa lí
- D. Lịch sử

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức mà em biết về thuật ngữ, về lĩnh vực khoa học

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 6 (0.25 điểm):

Cái “tôi” của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào?

- A. Buồn rầu, nhớ nhung
- B. Nhẹ nhàng, lặng lẽ, tinh tế
- C. Sôi nổi, sung sướng
- D. Căm uất, giận dữ

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 7 (0.25 điểm):

Cái lạnh của rét ngọt tác động như thế nào đến tình cảm con người?

- A. Khiến người ta chỉ muốn nghỉ ngơi, cuộn chăn ngủ vùi
- B. Rét ngọt, trời hanh khiến má trẻ con ửng hồng
- C. Khiến trong cơn mê ngủ cũng phải kéo chăn, co mình
- D. Kéo người ta xích lại gần nhau hơn, lãng mạn hơn

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 8 (0.25 điểm):

Trong văn bản trên, cách viết có gì đặc sắc?

- A. Mang đậm tính triết lí
- B. Tình huống gây cấn
- C. Giàu chất thơ, chất trữ tình
- D. Hệ thống các nhân vật đa dạng

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 9 (0.5 điểm):

Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Cái rét như lưỡi dao sắc lẹm cắt vào da thịt, lặng lẽ thắm vào tận xương khiến người ta chỉ muốn nghỉ ngơi, cuộn chăn ngủ vùi.*

Phương pháp giải:

Xác định, chỉ rõ từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ và nêu đúng tác dụng của biện pháp đó

Lời giải chi tiết:

- Biện pháp tu từ so sánh: *Cái rét như lưỡi dao sắc lẹm cắt vào da thịt.*

- Tác dụng: Gợi hình ảnh, giúp cho người đọc, người nghe cảm nhận và hình dung hết được cái lạnh của rét ngọt Hà Nội.

Câu 10 (1.0 điểm):

Theo em hiểu, điều gì khiến người viết có ấn tượng sâu sắc đối với rét ngọt của Hà Nội?

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích và lí giải hợp lí vì sao người viết có ấn tượng sâu sắc đối với rét ngọt của Hà Nội

Lời giải chi tiết:

- Vì rét ngọt là đặc trưng riêng của Hà Nội, là món quà thiên nhiên ban tặng cho Hà Nội
- Rét ngọt để lại ấn tượng sâu sắc trong quan sát, suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết

Phần I

Câu 1 (1.0 điểm)

Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó.

a) Đã có lúc, Văn Cao tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. (Ngọc An)

b) Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. (Đình Trọng Lạc)

Phương pháp giải:

Đọc ngữ liệu, tìm cụm động từ trong vị ngữ

Lời giải chi tiết:

Phần	Vị ngữ là cụm động từ	Động từ trung tâm	Cụm C-V
a	tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên	tưởng	mình/không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên
b	Cũng làm ký ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ	làm	ký ức ta/ quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ

Câu 2 (5.0 điểm)

Hãy thuyết minh quy tắc, luật lệ về một trò chơi mà em yêu thích

Phương pháp giải:

a. Mở đầu: Giới thiệu hoạt động

Đấu vật là một trong những hoạt động văn hóa rất đặc sắc của vùng đất Bắc Giang. Có nhiều quy định mà người tham gia cần tôn trọng, tuân thủ trong đấu vật.

b. Nội dung chính: Giới thiệu cụ thể các quy tắc, luật lệ của hoạt động đấu vật theo một trật tự nhất định

- Đối tượng tham gia gồm những ai (các đô vật, người cầm trống chầu, người xem,...)?
- Hoạt động đấu vật cần phải tuân thủ những quy định gì?
- Trình tự của trận đấu vật phải như thế nào? Nghi lễ bái tổ phải tiến hành ra sao? Keo vật thờ có những quy định gì? Động tác xe đài phải thực hiện như thế nào?

c. Kết thúc

- Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động đấu vật ở Bắc Giang nói riêng và đấu vật truyền thống của dân tộc nói chung.

Đấu vật thể hiện tinh thần thượng võ; đồng thời, thông qua đấu vật, người ta mong có mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu

Lời giải chi tiết:

Dàn ý chi tiết tham khảo:

1. Mở bài

Nêu được lí do sẽ giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi: Trò chơi ô ăn quan là trò chơi dân gian cũng được phổ biến rộng rãi và quen thuộc, nhất là ở những vùng nông thôn.

2. Thân bài

- Hoạt động hay trò chơi đó diễn ra ở đâu? Thời gian nào?

Được phổ biến rộng rãi và quen thuộc, nhất là ở những vùng nông thôn

- Hoạt động hay trò chơi đó dành lứa tuổi nào?

Ví dụ: Ô ăn quan từ lâu đã trở thành một trò chơi phổ biến của người Kinh và đặc biệt là với những bé gái

- Mục đích của hoạt động hay trò chơi đó: vui chơi giải trí

- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó ra sao?

Ví dụ: trò chơi ô ăn quan

+ Bàn chơi: bàn chơi ô ăn quan chỉ cần một mặt phẳng tương đối rộng, kích thước mỗi ô dao động sao cho thích hợp chứa quân chơi và di chuyển quân dễ dàng. Vì thế bàn chơi ô ăn quan thường là vỉa hè, sân nhà, nền gạch... Dùng phấn, sỏi, que cây để kẻ ô thành hình chữ nhật, chia hình chữ nhật làm 10 ô nhỏ mỗi hàng 5 ô đối xứng nhau. Hai đầu chữ nhật vẽ thêm hình bán nguyệt. Các ô vuông được gọi là ô dân, còn hai hình bán nguyệt là ô quan.

+ Quân chơi: có hai loại quân là quân dân và quân quan. Với bàn chơi thông thường ta có 2 quân quan và 50 quân dân. Chất liệu rất đa dạng, có thể làm từ sỏi, đá, đất, nhựa hoặc hạt

cây... miễn sao kích thước phù hợp để cầm nắm, quân quan phải lớn hơn quân dân. Quân quan được đặt trong hai hình bán nguyệt, quân dân được đặt đều trong các ô vuông.

+ Người chơi: thường có hai người chơi, hai người ngồi hai bên ô vuông dài và kiểm soát quyền chơi phía bên mình

+ Luật chơi:

Người thắng cuộc là người kết thúc cuộc chơi có tổng số quân dân quy đổi nhiều hơn. Thông thường một quân quan đổi được 10 hoặc 5 quân dân.

Từng người chơi lần lượt di chuyển số quân dân trong ô bất kì, mỗi ô một quân, bắt đầu từ ô gần nhất. Nếu liền sau là ô vuông chứa quân thì tiếp tục dùng tất cả số quân rải tiếp. Nếu liền sau là ô vuông trống và sau là ô chứa quân thì người chơi sẽ ăn tất cả số quân trong ô. Nếu liền sau là ô quan chứa quân hoặc hai ô trống trở lên thì người chơi bị mất lượt. Trong trường hợp 5 ô trống của người chơi đều không có quân thì người chơi sẽ lấy quân ăn được của mình rải lên hoặc mượn quân đối phương. Cuộc chơi kết thúc khi toàn bộ dân và quan bị ăn hết.

Ngoài ra ô ăn quan cũng có thể chơi 3 hoặc 4 người, luật chơi giống như cách chơi 2 người nhưng hình vẽ điều chỉnh cho phù hợp. Chơi 3 người các ô nằm trong tam giác đều, 4 người các ô nằm trong hình vuông và có 4 ô quan.

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

+ Ô ăn quan là bóng hình kỉ niệm của một thời mang cả hương vị quê nhà và niềm vui tuổi thơ.

+ Trò chơi này còn là hình ảnh thật đời thường trong thơ văn của những nghệ sĩ tài hoa

3. Kết bài

Khẳng định giá trị và ý nghĩa của trò chơi và hoạt động đối với con người và cuộc sống: Một trò chơi dễ chơi, mộc mạc lại mang tính trí tuệ như thế lẽ ra phải được coi trọng hơn trong xã hội hiện đại.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Câu chuyện của những ngón tay

Một hôm, những ngón tay tranh luận với nhau xem những ngón nào là quan trọng hơn cả.

Thoạt tiên, ngón tay giữa nói:

- Tôi chiếm vị trí trung tâm của bàn tay, không có tôi thì bàn tay chẳng ra bàn tay nữa.

Các ngón khác đều cãi rằng:

- Tuy cậu ở vị trí trung tâm và cao hơn tất cả nhưng chỉ nhờ đó cho có vị thôi, chứ có giúp được việc gì cho bàn tay để cầm nắm đâu!

Ngón tay đeo nhẫn vênh mặt nói một cách tự hào rằng hẳn đóng vai trò quan trọng nhất: chính hẳn là người mang dấu hiệu tượng trưng cho sự trưởng thành của chủ, tức là đeo nhẫn cưới.

Nhưng các ngón tay khác đều cười và nhận xét rằng:

- Thà cậu im đi còn hơn. Chiếc nhẫn cưới ấy ông chủ cất trong túi nhiều hơn, cốt để các cô gái trẻ tưởng ông ấy chưa lập gia đình, chứ có đeo đâu. Ngoài ra cậu có làm được việc gì khác đâu?

- Quan trọng nhất vẫn là tôi! – Ngón tay trở nói – Ai là người chỉ đường? Ai là người vạch ra những thiếu sót của cơ quan? Chính là tôi. Thử nghe ông chủ thường nói: Các bạn, nguyên nhân sự chậm tiến của chúng ta chính là ở đây..., mọi người đều sợ tôi trở vì không muốn mình là nguyên nhân, chậm tiến của cả tập thể.

- Bạn nhầm rồi, bạn thân mến ạ – Ngón tay cái phản đối – không phải chỉ mình bạn biết chỉ. Tôi cũng chỉ, nhưng chỉ một cách khéo léo, tế nhị hơn cơ. Tôi không chỉ thẳng vào người ta mà

lại chỉ qua bên phải, qua sau lưng, nhưng vẫn trúng thủ phạm như thường. Hơn nữa, trong một số trường hợp, khi muốn thoái thác trách nhiệm, tôi giúp ông chủ chỉ cho khách sang cửa khác, gặp người khác mà cầu xin, phản đối...

Từ nãy chỉ có ngón út im lặng. Và lại, nó còn biết khoe khoang gì nữa: nó vốn là ngón tay bé nhất. Nhưng...

- Kia, tại sao chú út không nói gì? – Những ngón tay khác hỏi

- Em cũng biết chỉ đấy chứ. Vì em vốn nhỏ bé cho nên trong những lúc ông chủ cần tự phê bình, ông ấy dùng em chỉ vào ngực mình thì chẳng ai trông thấy cả. Ngoài ra, em còn được việc trong những khi cần móc ngoặc: nếu thỏa thuận với ai, chỉ cần nói xong ngay. Thế là cả hai người đều em ra móc với nhau. Nhiều khi được việc ra phết đấy!

(Theo <https://mgvanhkhuyen.tptdm.edu.vn/>)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản?

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Miêu tả

Câu 2. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để xây dựng nhân vật trong câu chuyện?

- A. Nhân hóa
- B. Điệp ngữ
- C. Hoán dụ
- D. So sánh

Câu 3. Nối các từ ngữ trong câu chuyện trên (đã liệt kê) ở cột A sao cho tương ứng với từ loại của từ ngữ đó ở cột B.

A	B
1. Ngón tay, nhẫn cưới, ông chủ	a. Động từ
2. Khoe khoang, phê bình, phản đối	b. Tính từ
3. Im lặng, nhỏ bé	c. Danh từ

Câu 4. Có ý kiến cho rằng: *Mỗi ngón tay trong câu chuyện tượng trưng cho một nét tính cách, phẩm chất của con người trong cuộc sống.* Ý kiến đó đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 5. Nhân vật nào không có nhiệm vụ, vai trò rõ ràng trong câu chuyện trên?

A. Ngón cái

B. Ngón trỏ

C. Ngón giữa

D. Ngón đeo nhẫn

Câu 6. “Câu chuyện của những ngón tay” gợi cho em nhớ đến câu chuyện ngụ ngôn nào đã học?

A. Thầy bói xem voi

B. Đeo cà vạt giữa đường

C. Éch ngồi đáy giếng

D. Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Câu 7. Em thích cách ứng xử của ngón tay nào nhất? Vì sao?

Câu 8. “Câu chuyện những ngón tay” gửi đến chúng ta nhiều bài học hay. Em hãy nêu một bài học mà em rút ra được sau khi đọc câu chuyện

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ

(Đỗ Trung Lai)

Câu 2. Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em có ấn tượng hoặc yêu thích trong đoạn trích “*Bạch tuộc*” đã học.

ĐÁP ÁN:

Phần I:

Câu 1 (0.25 điểm):

Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản?

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Miêu tả

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, chú ý lời kể, cách kể chuyện

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 2 (0.25 điểm):

Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để xây dựng nhân vật trong câu chuyện?

- A. Nhân hóa
- B. Điệp ngữ
- C. Hoán dụ
- D. So sánh

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, quan sát các nhân vật

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 3 (0.25 điểm):

Nối các từ ngữ trong câu chuyện trên (đã liệt kê) ở cột A sao cho tương ứng với từ loại của từ ngữ đó ở cột B.

A	B
1. Ngón tay, nhẵn cười, ông chủ	a. Động từ

2. Khoe khoang, phê bình, phản đối	b. Tính từ
3. Im lặng, nhỏ bé	c. Danh từ

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về các loại từ

Lời giải chi tiết:

1-c; 2-a; 3-b

Câu 4 (0.25 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *Mỗi ngón tay trong câu chuyện tượng trưng cho một nét tính cách, phẩm chất của con người trong cuộc sống. Ý kiến đó đúng hay sai?*

A. Đúng

B. Sai

Phương pháp giải:

Từ câu chuyện của những ngón tay rút ra nội dung, ý nghĩa

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5 (0.25 điểm):

Nhân vật nào không có nhiệm vụ, vai trò rõ ràng trong câu chuyện trên?

- A. Ngón cái
- B. Ngón trỏ
- C. Ngón giữa
- D. Ngón đeo nhẫn

Phương pháp giải:

Đọc kỹ câu chuyện

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 6 (0.25 điểm):

“Câu chuyện của những ngón tay” gợi cho em nhớ đến câu chuyện ngụ ngôn nào đã học?

- A. Thầy bói xem voi
- B. Đeo càyl giữa đường
- C. Ếch ngồi đáy giếng
- D. Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Phương pháp giải:

Nhớ lại một câu chuyện ngụ ngôn có nội dung tương tự

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 7 (1.0 điểm):

Em thích cách ứng xử của ngón tay nào nhất? Vì sao?

Phương pháp giải:

Chọn cách ứng xử của ngón tay mình yêu thích và lí giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- Em thích cách ứng xử của ngón tay út.
- Vì ngón tay út biết mình nhỏ bé nên rất khiêm tốn trong cuộc trò chuyện giữa các ngón tay. Đồng thời qua các câu thoại của ngón út, chúng ta còn nhận thấy được bài học ý nghĩa của con người trong cuộc sống: phải nhìn nhận thấy khuyết điểm, hạn chế của mình và có thái độ tự phê bình nghiêm khắc để tiến bộ. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần có thái độ sống thân thiện, hòa nhã, đoàn kết với nhau...

Câu 8 (0.5 điểm):

“Câu chuyện những ngón tay” gửi đến chúng ta nhiều bài học hay. Em hãy nêu một bài học mà em rút ra được sau khi đọc câu chuyện.

Phương pháp giải:

Rút ra bài học ý nghĩa, phù hợp với nội dung câu chuyện

Lời giải chi tiết:

Một số bài học được rút ra từ câu chuyện:

- Mỗi ngón tay có một đặc điểm riêng và đảm nhận vai trò, ý nghĩa trong bàn tay khi hoạt động. Vì vậy, không nên đề cao vai trò của ngón tay này mà xem thường, chỉ trích vai trò của ngón tay khác.

- Từ câu chuyện này, chúng ta cũng nhận thức được bài học sâu sắc cho bản thân: mỗi con người sống trong cuộc đời này đều có đặc điểm, vai trò riêng; cần trân trọng giá trị của mỗi người, sống đoàn kết, yêu thương, chia sẻ với nhau; không nên đề cao vị trí, vai trò của mình mà xem thường vai trò, giá trị của người khác.

- Phê phán những kẻ huênh hoang, tự phụ, có thói quen chỉ tỏ phê bình người khác mà không nhìn nhận lại bản thân để lắng nghe, rút kinh nghiệm, sống tốt hơn.

Phần II.

Câu 1 (2 điểm):

Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cảm được lệ

(Đỗ Trung Lai)

Phương pháp giải:

Chỉ ra biện pháp so sánh và phân tích tác dụng của nó

Lời giải chi tiết:

Biện pháp tu từ so sánh “Khô gầy như mẹ” với hình ảnh người mẹ già gầy mòn đã mang đến tác dụng:

- Miêu tả: gọi lên hình ảnh người mẹ già héo hắt, gầy guộc như miếng cau khô.

- Biểu cảm: thể hiện tình cảm xót thương của người con khi thấy mẹ ngày một già đi. Trong hai câu thơ cuối, nhà thơ dùng động từ “nâng” thể hiện sự trân trọng và động từ “cầm” diễn tả sự dồn nén cảm xúc xót xa khi thấy hình ảnh gầy mòn của người mẹ thân yêu

Câu 2 (5 điểm):

Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em có ấn tượng hoặc yêu thích trong đoạn trích “*Bạch tuộc*” đã học.

Phương pháp giải:

Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản *Bạch tuộc* đã học

Xác định nhân vật hoặc sự việc mà em định viết bài văn biểu cảm

- Nhân vật hoặc sự việc gây cho em nhiều ấn tượng trong đoạn trích *Bạch tuộc* là ai, sự việc nào (giới thiệu nhân vật, tóm tắt sự việc)?
- Nhân vật hay sự việc ấy để lại trong em những tình cảm, cảm xúc gì (yêu thích, cảm động, sung sướng hay buồn bã,...)?
- Nhân vật hay sự việc ấy gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì (về những phẩm chất đáng quý, bài học làm người, kinh nghiệm sống,...)?

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo:

a. Mở bài

Nêu tên nhân vật hoặc sự việc trong đoạn trích *Bạch tuộc* mà em muốn viết bài văn biểu cảm

b. Thân bài

- Lần lượt nêu những cảm xúc và suy nghĩ từ khái quát đến các biểu hiện cụ thể

+ Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật hoặc sự việc: *cảm phục, ngưỡng mộ thuyền trưởng Nê-mô; cảm nghĩ về Giáo sư A-rô-nác, nhân vật xưng “tôi” trong truyện hoặc cảm xúc về trận chiến với bạch tuộc*

+ Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người hoặc sự việc:

Theo em, thuyền trưởng Nê-mô là người dũng cảm và vị tha; hoặc sự việc chiến đấu với đàn bạch tuộc khổng lồ là một cuộc chiến đấu căng thẳng, nguy hiểm và dữ dội

Em cảm phục, ngưỡng mộ vị thuyền trưởng có lòng dũng cảm và luôn vì người khác hoặc trận chiến với bạch tuộc đã để lại trong em những ấn tượng và cảm xúc tự hào về sức mạnh của con người trước biển cả

Rút ra bài học từ nhân vật hoặc sự việc vừa nêu

c. Kết bài

Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người hoặc sự việc được nói đến trong bài văn.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 5**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Tháng Ba – Hoàng Vân

Tháng ba mùa giáp hạt

Đến rong rêu cũng gầy

Mẹ bung rá vay gạo

Cha héo hắt đường cày

Áo nâu may dịp tết

Bây giờ mực tím dầy

Bàn dưới sòng ăn đũa

Khoai mọc non cả ngày

Tháng ba mưa dầm đất

Rét Nàng Bân tím trời

Kéo cánh vun lửa đốt

Trẻ và trâu cùng cười

Tháng ba, tháng ba ơi!

Mùa xa... ngày thơ dại

Lúa lên xanh ngoài bãi

Sữa ướp đồng sinh đôi

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể loại nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Tự do

D. Tứ tuyệt

Câu 2. Xác định nội dung chính của bài thơ trên và dấu hiệu nhận biết

- A.** Người mẹ, vì có hình ảnh Mẹ bưng rá vay gạo
- B.** Tình yêu quê hương, vì có hình ảnh lúa lên xanh ngoài bãi
- C.** Ký ức tuổi thơ đói nghèo, vì rất nhiều hình ảnh gợi cuộc sống thiếu đói trong mùa giáp hạt
- D.** Cuộc sống đói nghèo, vì phía ăn bần, ăn khoai mậ

Câu 3. Xác định ngắt nhịp (chính) của bài thơ?

- A.** Nhịp 3/2 và 2/3
- B.** Nhịp 1/4 và 4/1
- C.** Nhịp thơ linh hoạt
- D.** Khó xác định

Câu 4. Vì sao tháng ba mùa giáp hạt lại khôn khó?

- A.** Khi giao mùa (giữa xuân và hạ)
- B.** Mùa xuân đi chơi không làm
- C.** Thời kỳ đói khổ nhất trong năm
- D.** Khi lúa mùa cũ ăn hết, lúa mới chưa thu hoạch nên đói khổ

Câu 5. Xác định nội dung của khổ thơ thứ nhất?

- A.** Cảnh vật ảm đạm trong tháng ba
- B.** Mẹ đi vay gạo nấu cơm
- C.** Cha cày đồng mệt mỏi
- D.** Cuộc sống khôn khó mùa giáp hạt

Câu 6. Tuổi thơ hồn nhiên trong đôi nghèo thể hiện rõ ở khổ thơ nào, dòng thơ nào?

- A. Khổ 1, dòng thơ: Đến rong rêu cũng gầy
- B. Khổ 2, dòng thơ: Bây giờ mực tím dây
- C. Khổ 3, dòng thơ: Trẻ và trâu cùng cười
- D. Khổ 4, dòng thơ: Lúa lên xanh ngoài bãi

Câu 7. Những câu thơ nào thể hiện rõ nhất nỗi buồn của đất trời trong tháng ba mùa giấp hạt?

- A. Tháng ba mưa dầm đất/ Rét Nàng Bân tím trời
- B. Tháng ba, tháng ba ơi! Mùa xa... ngày thơ dại!
- C. Mẹ bung rá vay gạo/ Cha héo hắt đường cày
- D. Bàn dưới sông ăn đờ/ Khoai mầm non cả ngày

Câu 8. Niềm hy vọng vào vụ mùa bội thu được thể hiện ở chi tiết, hình ảnh nào?

- A. Tháng ba, tháng ba ơi!
- B. Lúa lên xanh; Sữa ướp dòng sinh đôi
- C. Kéo cày vun lửa đốt
- D. Áo nâu may dịp tết

Câu 9. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là?

- A. Người mẹ tần tảo
- B. Người bố vất vả
- C. Lũ trẻ hồn nhiên
- D. Một người có tuổi thơ sống ở vùng quê nghèo khó

Câu 10. Nhà thơ dành tình cảm yêu thương sâu sắc cho đối tượng nào?

A. Những đứa trẻ hồn nhiên

B. Con người vất vả, nghèo khó của quê hương

C. Cha mẹ nghèo khó của mình

D. Quê hương

Câu 11. Khổ thơ cuối đã thể hiện được những điều gì?

A. Yêu thương, gắn bó với quê hương; niềm vui vào vụ mùa mới

B. Nhớ thương kí ức đã xa; niềm vui lúa đã trở bông

C. Tháng ba đã lùi xa; ngày gặt đang đến gần

D. Vui sướng vì lúa đang sinh sôi nảy nở

Câu 12. Bức thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong bài thơ là?

A. Hãy nhớ tích trữ lương thực vì tháng ba là mùa giáp hạt

B. Đừng quên những ngày bố mẹ phải nhọc nhằn

C. Đừng quên ngày phải ăn bần, ăn khoai mầm

D. Cuộc sống còn vất vả, hãy sống lạc quan và hy vọng

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. Những bạn trẻ trong bài thơ đã sống như thế nào trong tháng ba, mùa giáp hạt?

Câu 2.

a. Xác định những câu thơ có chứa nghệ thuật nhân hóa và nêu tác dụng

b. Xác định 2 khổ thơ có sự tương phản trong bài và nêu tác dụng

Câu 3. Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của nhà văn Đoàn Giỏi.

ĐÁP ÁN:**Phần I:****Câu 1 (0.25 điểm):**

Bài thơ trên thuộc thể loại nào?

- A. Bốn chữ
- B. Năm chữ
- C. Tự do
- D. Tứ tuyệt

Phương pháp giải:

Chú ý số chữ trong một dòng và số dòng của từng khổ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 2 (0.25 điểm):

Xác định nội dung chính của bài thơ trên và dấu hiệu nhận biết

- A. Người mẹ, vì có hình ảnh Mẹ bưng rá vay gạo
- B. Tình yêu quê hương, vì có hình ảnh lúa lên xanh ngoài bãi
- C. Ký ức tuổi thơ đói nghèo, vì rất nhiều hình ảnh gợi cuộc sống thiếu đói trong mùa giáp hạt
- D. Cuộc sống đói nghèo, vì phía ăn bần, ăn khoai mật

Phương pháp giải:

Đọc kỹ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 3 (0.25 điểm):

Xác định ngắt nhịp (chính) của bài thơ?

- A. Nhịp 3/2 và 2/3
- B. Nhịp 1/4 và 4/1
- C. Nhịp thơ linh hoạt
- D. Khó xác định

Phương pháp giải:

Đọc đi đọc lại bài thơ để xác định ngắt nhịp phù hợp

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 4 (0.25 điểm):

Vì sao tháng ba mùa giáp hạt lại khôn khó?

- A. Khi giao mùa (giữa xuân và hạ)
- B. Mùa xuân đi chơi không làm
- C. Thời kỳ đói khổ nhất trong năm
- D. Khi lúa mùa cũ ăn hết, lúa mới chưa thu hoạch nên đói khổ

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 5 (0.25 điểm):

Xác định nội dung của khổ thơ thứ nhất?

- A. Cảnh vật âm đạm trong tháng ba
- B. Mẹ đi vay gạo nấu cơm
- C. Cha cày đồng mệt mỏi
- D. Cuộc sống khốn khó mùa giáp hạt

Phương pháp giải:

Đọc kĩ khổ thơ thứ nhất để xác định nội dung

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 6 (0.25 điểm):

Tuổi thơ hồn nhiên trong đời nghèo thể hiện rõ ở khổ thơ nào, dòng thơ nào?

- A. Khổ 1, dòng thơ: Đến rong rêu cũng gầy
- B. Khổ 2, dòng thơ: Bây giờ mực tím dầy
- C. Khổ 3, dòng thơ: Trẻ và trâu cùng cười

D. Khô 4, dòng thơ: Lúa lên xanh ngoài bãi

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 7 (0.25 điểm):

Những câu thơ nào thể hiện rõ nhất nỗi buồn của đất trời trong tháng ba mùa giáp hạt?

- A.** Tháng ba mưa dầm đất/ Rét Nàng Bân tím trời
- B.** Tháng ba, tháng ba ơi! Mùa xa... ngày thơ dại!
- C.** Mẹ bung rá vay gạo/ Cha héo hắt đường cày
- D.** Bàn dưới sông ăn đờ/ Khoai mặm non cả ngày

Phương pháp giải:

Đọc kĩ các đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 8 (0.25 điểm):

Niềm hy vọng vào vụ mùa bội thu được thể hiện ở chi tiết, hình ảnh nào?

- A. Tháng ba, tháng ba ơi!
- B. Lúa lên xanh; Sữa ướp đồng sinh đôi
- C. Kéo cày vun lửa đốt
- D. Áo nâu may dịp tết

Phương pháp giải:

Đọc kỹ và xác định các chi tiết thơ thể hiện niềm hy vọng vào vụ mùa bội thu

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 9 (0.25 điểm):

Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là?

- A. Người mẹ tần tảo
- B. Người bố vất vả
- C. Lũ trẻ hồn nhiên
- D. Một người có tuổi thơ sống ở vùng quê nghèo khó

Phương pháp giải:

Đọc kỹ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 10 (0.25 điểm):

Nhà thơ dành tình cảm yêu thương sâu sắc cho đối tượng nào?

- A. Những đứa trẻ hồn nhiên
- B. Con người vất vả, nghèo khó của quê hương
- C. Cha mẹ nghèo khó của mình
- D. Quê hương

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 11 (0.25 điểm):

Khổ thơ cuối đã thể hiện được những điều gì?

- A. Yêu thương, gắn bó với quê hương; niềm vui vào vụ mùa mới
- B. Nhớ thương kí ức đã xa; niềm vui lúa đã trở bông
- C. Tháng ba đã lùi xa; ngày gặt đang đến gần
- D. Vui sướng vì lúa đang sinh sôi nảy nở

Phương pháp giải:

Đọc kĩ khổ thơ cuối

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 12 (0.25 điểm):

Bức thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong bài thơ là?

- A. Hãy nhớ tích trữ lương thực vì tháng ba là mùa giáp hạt
- B. Đừng quên những ngày bố mẹ phải nhọc nhằn
- C. Đừng quên ngày phải ăn bún, ăn khoai mầm
- D. Cuộc sống còn vất vả, hãy sống lạc quan và hy vọng

Phương pháp giải:

Từ nội dung rút ra thông điệp của bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Phần II.

Câu 1 (1 điểm):

Những bạn trẻ trong bài thơ đã sống như thế nào trong tháng ba, mùa giáp hạt?

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

Các bạn trẻ: ăn trái bún, khoai mầm trong mùa giáp hạt; kéo cành vun lửa đốt, đưa trâu đi ăn giúp bố mẹ, đùa vui... => làm việc, sống lạc quan

Câu 2 (2 điểm):

- a. Xác định những câu thơ có chứa nghệ thuật nhân hóa và nêu tác dụng
- b. Xác định 2 khổ thơ có sự tương phản trong bài và nêu tác dụng

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

a.

- Câu thơ: *Đến rong rêu cũng gầy/ Trẻ và trâu cùng cười.*

- Nghệ thuật nhân hóa đã được thể hiện:

+ Sự vật, con vật là những sinh thể đều trải qua những khó khăn khắc nghiệt của cuộc sống; cảm nhận được niềm vui khi bên nhau trong những thười khắc khó khăn.

+ Câu thơ: *Trẻ và trâu cùng cười* như xua vợi đi u ám đói khổ của mùa giáp hạt; khiến cho cuộc sống, âm hưởng bài thơ tươi vui hơn.

b.

- Sự tương phản ở khổ 1 và khổ 4: đói nghèo >< niềm tin

+ Khổ 1: gợi hiện thực đói nghèo, vất vả vào mùa giáp hạt. Cả con người và cảnh vật đều gàn tàn tạ, héo úa (rong rêu cũng gầy; mẹ bung rá vay gạo, bố héo hắt...)

+ Khổ 4: khát vọng, niềm tin vào ngày mai (hình ảnh lúa lên xanh, ướp đòng...)

Câu 3 (4 điểm):

Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của nhà văn Đoàn Giỏi.

Phương pháp giải:

- Đặc điểm nhân vật Võ Tòng được khắc họa từ những phương diện nào?

- Có thể thấy Võ Tòng là người như thế nào?

- Nhân vật Võ Tòng để lại trong em những ấn tượng, tình cảm và suy nghĩ gì về con người Nam Bộ?

Lời giải chi tiết:

a. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người như thế nào?...)

b. Thân bài

- Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

+ Lai lịch: “Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu”

+ Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao...

+ Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ kêu trời một tiếng, cười nhạt rồi bỏ làng vào rừng sinh sống;...

+ Hành động và việc làm...

- Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: trình bày những suy nghĩ, cảm xúc,... của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng

c. Kết bài

- Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng

- Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó, rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 6**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

NHỮNG QUẢ BÓNG LỬA – Ray Bradbury

Bước ra khỏi không gian cũng giống như là bước ra khỏi một ngôi thánh đường lộng lẫy chưa từng thấy. Còn chạm vào mặt Hỏa Tinh lại giống như chạm chân xuống một vỉa hè bình thường bên ngoài thánh đường năm phút sau khi đã thực sự biết được tình yêu của mình dành cho Chúa từ chiếc hỏa tiễn vẫn còn bốc khói, các linh mục rón rén bước xuống và quỳ gối trên lớp cát Hỏa Tinh trong khi Đức Cha Peregrine làm lễ tạ ơn.

- Lay Cha, chúng con cảm ơn Người đã đưa chúng con bình yên đi qua các gian phòng của Người. Chúng con đã đến miền đất mới, xin Cha cho chúng con những đôi mắt mới. Chúng con sẽ nghe thấy những âm thanh mới, xin Cha cho chúng con những đôi tai mới. Và sẽ có những tội lỗi mới, xin Cha cho chúng con những trái tim tốt đẹp hơn, cứng rắn hơn và thanh khiết hơn. Amen. Tất cả đứng lên.

Và đây, Hỏa Tinh, nơi họ đang nhọc nhằn lê bước. Đây, giang sơn của những tội lỗi tiềm tàng. Ôi, trên mảnh đất này họ phải cân nhắc, thận trọng xiết bao; e rằng ngay cả việc bước đi như thế này, hay việc hít thở, hoặc cả việc chay tịnh nữa, cũng có thể là tội lỗi!

Và đây là viên thị trường của thành phố First Town ra đón họ với bàn tay xòe rộng:

- Con có thể giúp được gì cho Cha đây, thưa Đức Cha Peregrine?

- Chúng tôi muốn biết về các sinh vật của Hỏa Tinh này. Vì nếu chúng tôi hiểu biết họ thì chúng tôi sẽ xây dựng nhà thờ một cách thích hợp. Họ cao ba thước phải không? Chúng tôi sẽ làm các cánh cửa lớn hơn. Da họ màu lam, màu đỏ hay màu lục? Chúng tôi cần phải biết để tô màu các tượng thánh cho đúng với màu da của họ. Họ có nặng cân không? Chúng tôi sẽ làm các ghế nguyện kiên cố cho họ ngồi.

- Thừa Đức Cha, - Viên thị trưởng đáp, - con không ngờ rằng Cha lại quá lo lắng cho dân Hỏa Tinh đến thế. Ở đây chỉ có hia giống loài mà thôi. Một giống thì gần như chết hết cả rồi. Một số ít đang lẩn trốn. Còn giống thứ hai thì... chà, chẳng phải là người như ta đâu.

- Ủa? – Trái tim Đức Cha Peregrine đập dồn.

- Chúng là những quả cầu ánh sáng, thừa Cha, chúng sống trong dãy đồi đằng kia. Người hay thú, ai mà biết được? Nhưng chúng hoạt động thông minh lắm đó, con nghe đồn thế. - Viên thị trưởng nhún vai. – Tất nhiên, chúng đâu phải là con người, cho nên con thấy là các đức cha không cần phải...

- Trái lại kia, - Cha Peregrine vội vàng ngắt lời. – Anh nói là chúng thông minh, phải không nào?

- Chỉ là tin đồn thôi. Có một nhân viên trắc địa bị gãy chân trong khu đồi đó và lẽ ra đã chết luôn ở đấy. Nhưng có nhiều quả cầu màu xanh tỏa sáng tiến đến chỗ anh ta nằm. Lúc thức dậy, anh ta lại thấy mình nằm ngay trên xa lộ tít dưới chân đồi và chẳng biết làm sao mà mình lặn mò ra đến đấy được.

- Lại một gã say rượu chứ gì, - Cha Stone nhận xét.

- Người ta cứ kháo nhau mãi về chuyện này, - Viên thị trưởng nói. – Thừa Cha Peregrine, sinh vật trên Hỏa Tinh này chỉ còn lại mấy quả cầu xanh ấy thôi, nên con thành thật nghĩ rằng các Cha nên vào thành phố thì hơn. Hỏa Tinh đang mở rộng, loài người đang đổ xô lên đây. Trong thành phố First Town có đến hai nghìn thợ mỏ và thợ máy với lại lao công cần được cứu rỗi linh hồn, bởi vì có quá nhiều mù đàn bà hung tợn đi theo họ, và cũng có quá nhiều rượu vang Hỏa Tinh lâu đời hàng mấy thế kỷ...

Đức Cha Peregrine nhìn chăm chăm về hướng dãy đồi xanh.

Linh mục Stone đăng hăng:

- Thế nào, Đức Cha?

- Những quả cầu lửa xanh ấy à?

- Vâng, thừa Đức Cha.

- Aa..., - Đức Cha Peregrine thở dài. Những quả cầu xanh. Những quả bóng bay của tuổi thơ. Cha Peregrine cảm thấy các mạch máu nơi cườm tay giật giật. Đức Cha chỉ về hướng những ngọn đồi: - Đó là nơi chúng ta phải đến.

Mọi người xầm xì lo âu. Đức Cha Peregrine giải thích:

- Đi vào thành phố thì đơn giản quá. Tôi muốn nghĩ rằng nếu Đấng Cứu Thế mà bước đến đây và dân chúng nói với Người "Đây là con đường đã dọn quang". Ất hẳn Người sẽ trả lời "Hãy chỉ cho ta con đường cỏ dại, gai góc. Chính ta phải tự mở lối mà đi."

- Nhưng... Sư huynh Stone ơi, hãy thử nghĩ xem lương tâm sẽ cắn rứt chúng ta đến mức nào nếu như chúng ta đi qua mặt kẻ tội lỗi mà không chìa tay ra cứu vớt.

- Nhưng đó chỉ là những quả cầu lửa!

- Tôi cho rằng khi con người xuất hiện lần đầu tiên thì đối với các thú vật khác con người ắt phải nực cười lắm. Tuy vậy con người vẫn có một linh hồn. Chừng nào ta chưa chứng minh được điều gì cụ thể thì ta cứ cho là những quả cầu lửa này có linh hồn đi.

- Cũng được thôi, - Viên thị trưởng đồng ý, - nhưng các Cha phải quay về thành phố đấy... Sau đó Cha và tôi sẽ đi vào dãy đồi. Tôi không muốn làm cho các sinh vật phát ra lửa ấy kinh hoàng vì máy móc hay đám đông.

Câu 1. Đây là đề tài của văn bản *Những quả bóng lửa*?

A. Khoa học công nghệ tương lai

B. Thám hiểm sao Hỏa

C. Khám phá hệ Mặt Trời

D. Khám phá vũ trụ

Câu 2. Hỏa Tinh trong văn bản truyện được hiểu là:

A. Là hành tinh thứ tư tính từ Mặt Trời trong Thái Dương Hệ, thường được gọi với tên khác là "Hành tinh Đỏ".

B. Là hệ hành tinh gồm có Mặt trời ở trung tâm và các vật quay xung quanh.

C. Là các thiên thể quay quanh Mặt Trời, và khối lượng tập trung chủ yếu vào 8 hành tinh.

D. Là những thiên thể có thành phần chủ yếu là đá.

Câu 3. Cốt truyện của “Những quả bóng lửa” bắt nguồn từ:

A. Những sự kiện có thật trong lịch sử – Thám hiểm sao Hỏa

B. Ước mơ, khát vọng của con người – Thám hiểm sao Hỏa

C. Khoa học khám phá vũ trụ – Thám hiểm sao Hỏa

D. Trí tưởng tượng bay bổng của các nhà khoa học

Câu 4. Yếu tố khoa học của văn bản liên quan đến lĩnh vực khoa học nào?

A. Vật lý

B. Sinh học

C. Hóa học

D. Y học

Câu 5. Văn bản *Những quả bóng lửa* thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết

B. Khoa học viễn tưởng

C. Giả tưởng

D. Cổ tích

Câu 6. Ước mơ khát vọng của con người trong văn bản *Những quả bóng lửa* là?

A. Sao Hỏa có nhà thờ

B. Các quả bóng lửa cũng có linh hồn

C. Các sinh vật phát ra lửa ở Hỏa Tinh không bị kinh hoàng vì máy móc hay đám đông

D. Con người sẽ sống ở sao Hỏa

Câu 7. Dòng nào nói lên quan niệm của Đức Cha Peregrine về những quả bóng lửa cũng có linh hồn?

A. Sư huynh Stone ơi, hãy thử nghĩ xem lương tâm sẽ cắn rứt chúng ta đến mức nào nếu như chúng ta đi qua mặt những kẻ tội lỗi mà không chìa tay ra cứu vớt.

B. Những quả cầu xanh. Nhưng quả bóng bay của tuổi thơ

C. Chừng nào ta chưa chứng minh được điều gì cụ thể thì ta cứ cho là những quả cầu lửa này có linh hồn đi

D. Nhưng có nhiều quả cầu màu xanh tỏa sáng tiến đến chỗ anh ta nằm

Câu 8. Vì sao viên thị trưởng khuyên các Cha phải quay về thành phố?

A. Vì ông ta cho rằng những quả cầu lửa là giống thứ hai thì... chà, chẳng phải là người như ta đâu

B. Trong thành phố First Town có đến hai nghìn thợ mỏ và thợ máy với lại lao công cần được cứu rỗi linh hồn

C. Hỏa Tinh đang mở rộng, loài người đang đổ xô lên đây

D. Chúng là những quả cầu ánh sáng, sống trong dãy đồi đằng kia

Câu 9. Điền từ/cụm từ nào vào dấu (...) trong câu sau: “Tất nhiên, chúng đâu phải là con người, cho nên con thấy là các đức cha không cần phải...”

A. Đến

B. Quan tâm

C. Xây nhà thờ

D. Gặp mặt

Câu 10. Dòng nào thể hiện quan điểm hành động của Đức Cha Peregrine?

A. Ta đi: “Đây là con đường đã dọn quang”.

B. Đi vào thành phố thì đơn giản quá

C. “Hãy chỉ cho ta con đường cỏ dại, gai góc. Chính ta phải tự mở lối mà đi”

D. Đức Cha chỉ về hướng những ngọn đồi: - Đó là nơi chúng ta phải đến

Câu 11. Các linh mục lên Hỏa Tinh bằng phương tiện nào?

A. Chiếc hỏa tiễn

B. Kinh khí cầu

C. Máy bay

D. Công nghệ mới

Câu 12. Văn bản thể hiện ước mơ về điều gì của con người?

A. Con người làm chủ không gian

B. Con người có khả năng phi thường

C. Con người có thể làm tất cả mọi thứ

D. Con người có thể sống trên sao Hỏa

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. Tìm phó từ trong các câu sau. Cho biết chúng đi kèm từ loại nào và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm

a) *Con vật khủng khiếp quá!* (Véc-nơ)

b) *Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong...* (Véc-nơ)

c) *Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại.* (Véc-nơ)

d) *... Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay.* (Brét-bơ-ry)

Câu 2. Dựa vào các văn bản đã học (“*Ca Huế*”, “*Hội thi thổi cơm*”, “*Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong

các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

ĐÁP ÁN:

Phần I:

Câu 1 (0.25 điểm):

Đâu là đề tài của văn bản *Những quả bóng lửa?*

- A. Khoa học công nghệ tương lai
- B. Thám hiểm sao Hỏa
- C. Khám phá hệ Mặt Trời
- D. Khám phá vũ trụ

Phương pháp giải:

Từ nội dung văn bản rút ra đề tài văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 2 (0.25 điểm):

Hỏa Tinh trong văn bản truyện được hiểu là:

- A. Là hành tinh thứ tư tính từ Mặt Trời trong Thái Dương Hệ, thường được gọi với tên khác là “Hành tinh Đỏ”.
- B. Là hệ hành tinh gồm có Mặt trời ở trung tâm và các vật quay xung quanh.
- C. Là các thiên thể quay quanh Mặt Trời, và khối lượng tập trung chủ yếu vào 8 hành tinh.
- D. Là những thiên thể có thành phần chủ yếu là đá.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản và dựa vào ngữ cảnh

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 3 (0.25 điểm):

Cốt truyện của “Những quả bóng lửa” bắt nguồn từ:

- A. Những sự kiện có thật trong lịch sử – Thám hiểm sao Hỏa
- B. Ước mơ, khát vọng của con người – Thám hiểm sao Hỏa
- C. Khoa học khám phá vũ trụ – Thám hiểm sao Hỏa
- D. Trí tưởng tượng bay bổng của các nhà khoa học

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 4 (0.25 điểm):

Yếu tố khoa học của văn bản liên quan đến lĩnh vực khoa học nào?

- A. Vật lý
- B. Sinh học
- C. Hóa học
- D. Y học

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5 (0.25 điểm):

Văn bản *Những quả bóng lửa* thuộc thể loại nào?

- A. Truyền thuyết
- B. Khoa học viễn tưởng
- C. Giả tưởng
- D. Cổ tích

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 6 (0.25 điểm):

Ước mơ khát vọng của con người trong văn bản *Những quả bóng lửa* là?

- A. Sao Hỏa có nhà thờ
- B. Các quả bóng lửa cũng có linh hồn
- C. Các sinh vật phát ra lửa ở Hỏa Tinh không bị kinh hoàng vì máy móc hay đám đông
- D. Con người sẽ sống ở sao Hỏa

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 7 (0.25 điểm):

Dòng nào nói lên quan niệm của Đức Cha Peregrine về những quả bóng lửa cũng có linh hồn?

- A. Sư huynh Stone ơi, hãy thử nghĩ xem lương tâm sẽ cắn rứt chúng ta đến mức nào nếu như chúng ta đi qua mặt những kẻ tội lỗi mà không chìa tay ra cứu vớt.
- B. Những quả cầu xanh. Nhưng quả bóng bay của tuổi thơ
- C. Chùng nào ta chưa chứng minh được điều gì cụ thể thì ta cứ cho là những quả cầu lửa này có linh hồn đi

D. Nhưng có nhiều quả cầu màu xanh tỏa sáng tiến đến chỗ anh ta nằm

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 8 (0.25 điểm):

Vì sao viên thị trưởng khuyên các Cha phải quay về thành phố?

- A.** Vì ông ta cho rằng những quả cầu lửa là giống thứ hai thì... chà, chẳng phải là người như ta đâu
- B.** Trong thành phố First Town có đến hai nghìn thợ mỏ và thợ máy với lại lao công cần được cứu rỗi linh hồn
- C.** Hòa Tinh đang mở rộng, loài người đang đổ xô lên đây
- D.** Chúng là những quả cầu ánh sáng, sống trong dãy đồi đằng kia

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 9 (0.25 điểm):

Điền từ/cụm từ nào vào dấu (...) trong câu sau: “Tất nhiên, chúng đâu phải là con người, cho nên con thấy là các đức cha không cần phải...”

- A. Đến
- B. Quan tâm
- C. Xây nhà thờ
- D. Gặp mặt

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, dựa vào ngữ cảnh

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 10 (0.25 điểm):

Dòng nào thể hiện quan điểm hành động của Đức Cha Peregrine?

- A. Ta đi: “Đây là con đường đã dọn quang”.
- B. Đi vào thành phố thì đơn giản quá
- C. “Hãy chỉ cho ta con đường cỏ dại, gai góc. Chính ta phải tự mở lối mà đi”
- D. Đức Cha chỉ về hướng những ngọn đồi: - Đó là nơi chúng ta phải đến

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 11 (0.25 điểm):

Các linh mục lên Hỏa Tinh bằng phương tiện nào?

- A. Chiếc hỏa tiễn
- B. Khinh khí cầu
- C. Máy bay
- D. Công nghệ mới

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 12 (0.25 điểm):

Văn bản thể hiện ước mơ về điều gì của con người?

- A. Con người làm chủ không gian
- B. Con người có khả năng phi thường
- C. Con người có thể làm tất cả mọi thứ
- D. Con người có thể sống trên sao Hỏa

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Phần II.

Câu 1 (2 điểm):

Tìm phó từ trong các câu sau. Cho biết chúng đi kèm từ loại nào và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm

- Con vật khủng khiếp quá!* (Véc-nơ)
- Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong...* (Véc-nơ)
- Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại.* (Véc-nơ)
- ... Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay.* (Brét-bo-ry)

Phương pháp giải:

Đọc và xác định phó từ

Lời giải chi tiết:

- Phó từ *quá* đi kèm tính từ *khủng khiếp*, bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ cho từ trung tâm
- Phó từ *đang* đi kèm động từ *đỗ* chỉ thời gian tiếp diễn.
- Phó từ *lại* đi kèm động từ *mọc* chỉ sự lặp lại.
- Phó từ *đừng, đến* đi kèm động từ *để tâm* chỉ sự phủ định và mục đích được nói tới

Câu 2 (5 điểm):

Dựa vào các văn bản đã học (“*Ca Huế*”, “*Hội thi thổi cơm*”, “*Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

Phương pháp giải:

- Xác định hoạt động hay trò chơi sẽ viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ
- Xem lại văn bản đọc hiểu về các hoạt động hay trò chơi đó
- Tìm hiểu thêm thông tin và thu nhập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi định thuyết minh

Lời giải chi tiết:**Dàn ý:**

- **Mở bài:** Giới thiệu hoạt động hay trò chơi.

Ví dụ: Ca Huế là một trong những hoạt động văn hóa rất đặc sắc của vùng đất cố đô Huế.
Trong ca Huế, có nhiều quy định rất đặc sắc.

- **Thân bài:** Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định.

Ví dụ: Ca Huế

+ Môi trường diễn xướng: không gian hẹp

+ Số lượng ca sĩ, nhạc công, người xem và các nhạc cụ: hạn chế, từ 8-10 người, 4-5 nhạc cụ...

+ Cách thức biểu diễn ...

- **Kết bài:** Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 7**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (5 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Nơi tuổi thơ em

(Nguyễn Lam Thắng)

*Có một dòng sông xanh**Có cánh đồng xanh tươi**Bắt nguồn từ sữa mẹ**Ấp yêu đàn cò trắng**Có vàng trắng tròn thề**Có ngày mưa tháng nắng**Lừng lơ khóm tre làng**Động trên áo mẹ cha**Cỏ bầy sắc cầu vồng**Có một khúc dân ca**Bắc qua đồi xanh biếc**Thơm lừng hương cỏ dại**Có lời ru tha thiết**Cỏ tuổi thơ đẹp mãi**Ngọt ngào mãi vành nôi**Là đất trời quê hương*(Nguồn: <https://www.thivien.net/>)**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?**A.** Tự sự

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Miêu tả

Câu 2. Bài thơ viết theo thể thơ nào?

A. Thơ bốn chữ

B. Thơ lục bát

C. Thơ năm chữ

D. Thơ tứ tuyệt

Câu 3. Trong hai câu thơ sau đây, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

Có cánh đồng xanh tươi

Áp yêu đàn cò trắng

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 4. Hình ảnh *ngày mưa tháng nắng* trong bài thơ gợi ra điều gì?

A. Sự vất vả, khó nhọc của cha mẹ

B. Sự biến đổi thất thường của thời tiết

C. Sự biết ơn đối với cha mẹ

D. Sự xa cách về mặt thời gian

Câu 5. Âm hưởng dân gian trong bài thơ được tạo nên bởi yếu tố nào?

- A. Các hình ảnh trữ tình, gần gũi
- B. Âm thanh quen thuộc; giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 6. Có ý kiến cho rằng: *Những hình ảnh nào nơi tuổi thơ của tác giả có gắn bó được tái hiện có màu sắc, hình khối, âm thanh và hương vị.* Ý kiến đó đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 7. Câu sau có thành phần chính là một từ. Hãy mở rộng thành phần chính của câu thành cụm từ.

Cánh đồng xanh tươi.

Câu 8. Em hãy viết đoạn văn (5 – 7 câu) chia sẻ cảm xúc về bài thơ *Nơi tuổi thơ em* của Nguyễn Lâm Thắng.

Phần II: TẬP LÀM VĂN (5 điểm)

Thuyết minh quy tắc, luật lệ về một trò chơi mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN:**Phần I:****Câu 1 (0.5 điểm):**

Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Biểu cảm
- D. Miêu tả

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ, chú ý lời kể

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 2 (0.5 điểm):

Bài thơ viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ bốn chữ
- B. Thơ lục bát
- C. Thơ năm chữ
- D. Thơ tứ tuyệt

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 3 (0.5 điểm):

Trong hai câu thơ sau đây, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

Có cánh đồng xanh tươi

Áp yêu đàn cò trắng

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Phương pháp giải:

Đọc kĩ và xác định biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 4 (0.5 điểm):

Hình ảnh *ngày mưa tháng nắng* trong bài thơ gợi ra điều gì?

- A. Sự vất vả, khó nhọc của cha mẹ
- B. Sự biến đổi thất thường của thời tiết
- C. Sự biết ơn đối với cha mẹ
- D. Sự xa cách về mặt thời gian

Phương pháp giải:

Dựa vào ngữ cảnh để xác định

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5 (0.5 điểm):

Âm hưởng dân gian trong bài thơ được tạo nên bởi yếu tố nào?

- A. Các hình ảnh trữ tình, gần gũi
- B. Âm thanh quen thuộc; giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 6 (0.5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *Những hình ảnh nào nơi tuổi thơ của tác giả có gắn bó được tái hiện có màu sắc, hình khối, âm thanh và hương vị. Ý kiến đó đúng hay sai?*

A. Đúng

B. Sai

Phương pháp giải:

Từ nội dung bài thơ chọn đáp án đúng

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 7 (1.0 điểm):

Câu sau có thành phần chính là một từ. Hãy mở rộng thành phần chính của câu thành cụm từ.

Cánh đồng xanh tươi.

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về mở rộng thành phần chính trong câu

Lời giải chi tiết:

- Cánh đồng lúa quê em/ xanh tươi mon mơn

Câu 8 (1.0 điểm):

Em hãy viết đoạn văn (5 – 7 câu) chia sẻ cảm xúc về bài thơ *Nơi tuổi thơ em* của Nguyễn Lâm Thắng.

Phương pháp giải:

Viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ

Lời giải chi tiết:

- Nêu được tình cảm, cảm xúc chung về bài thơ: sự xúc động, nhớ thương, tự hào, trân quý quê hương xứ sở.
- Quê hương hiện lên với những hình ảnh thân thương, gần gũi, đầy sức sống và thật thanh bình yên ả như *dòng sông, vầng trăng, khóm tre, đồi xanh, lời ru, cánh đồng, đàn cò, khúc dân ca, hương cỏ dại*.
- Quê hương là nơi ghi lại những ngày tháng đẹp nhất của tuổi thơ là hình ảnh tận tảo hy sinh của mẹ cha một nắng hai sương. Quê hương là tất cả những gì gần gũi thân thương nơi tuổi thơ con sẽ là nuôi lớn và chở che con suốt chặng đường đời.
- Về nghệ thuật: bài thơ sử dụng thể thơ 5 chữ với giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, giàu hình ảnh, cảm xúc, sử dụng các biện pháp tu từ nhân hóa, liệt kê một cách đặc sắc.

Phần II (5.0 điểm)

Thuyết minh quy tắc, luật lệ về một trò chơi mà em yêu thích.

Phương pháp giải:

Chọn một trò chơi mà em yêu thích để thuyết minh quy tắc, luật lệ

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo:

1. Mở bài

Nêu được lí do sẽ giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi: Trò chơi ô ăn quan là trò chơi dân gian cũng được phổ biến rộng rãi và quen thuộc, nhất là ở những vùng nông thôn.

2. Thân bài

- Hoạt động hay trò chơi đó diễn ra ở đâu? Thời gian nào?

Được phổ biến rộng rãi và quen thuộc, nhất là ở những vùng nông thôn

- Hoạt động hay trò chơi đó dành lứa tuổi nào?

Ví dụ: Ô ăn quan từ lâu đã trở thành một trò chơi phổ biến của người Kinh và đặc biệt là với những bé gái

- Mục đích của hoạt động hay trò chơi đó: vui chơi giải trí

- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó ra sao?

Ví dụ: trò chơi ô ăn quan

+ Bàn chơi: bàn chơi ô ăn quan chỉ cần một mặt phẳng tương đối rộng, kích thước mỗi ô dao động sao cho thích hợp chứa quân chơi và di chuyển quân dễ dàng. Vì thế bàn chơi ô ăn quan thường là vỉa hè, sân nhà, nền gạch... Dùng phấn, sỏi, que cây để kẻ ô thành hình chữ nhật, chia hình chữ nhật thành 10 ô nhỏ mỗi hàng 5 ô đối xứng nhau. Hai đầu chữ nhật vẽ thêm hình bán nguyệt. Các ô vuông được gọi là ô dân, còn hai hình bán nguyệt là ô quan.

+ Quân chơi: có hai loại quân là quân dân và quân quan. Với bàn chơi thông thường ta có 2 quân quan và 50 quân dân. Chất liệu rất đa dạng, có thể làm từ sỏi, đá, đất, nhựa hoặc hạt cây... miễn sao kích thước phù hợp để cầm nắm, quân quan phải lớn hơn quân dân. Quân quan được đặt trong hai hình bán nguyệt, quân dân được đặt đều trong các ô vuông.

+ Người chơi: thường có hai người chơi, hai người ngồi hai bên ô vuông dài và kiểm soát quyền chơi phía bên mình

+ Luật chơi:

Người thắng cuộc là người kết thúc cuộc chơi có tổng số quân dân quy đổi nhiều hơn. Thông thường một quân quan đổi được 10 hoặc 5 quân dân.

Từng người chơi lần lượt di chuyển số quân dân trong ô bất kì, mỗi ô một quân, bắt đầu từ ô gần nhất. Nếu liền sau là ô vuông chứa quân thì tiếp tục dùng tất cả số quân rải tiếp. Nếu liền sau là ô vuông trống và sau là ô chứa quân thì người chơi sẽ ăn tất cả số quân trong ô. Nếu liền sau là ô quan chứa quân hoặc hai ô trống trở lên thì người chơi bị mất lượt. Trong trường hợp 5 ô trống của người chơi đều không có quân thì người chơi sẽ lấy quân ăn được của mình rải lên hoặc mượn quân đối phương. Cuộc chơi kết thúc khi toàn bộ dân và quan bị ăn hết.

Ngoài ra ô ăn quan cũng có thể chơi 3 hoặc 4 người, luật chơi giống như cách chơi 2 người nhưng hình vẽ điều chỉnh cho phù hợp. Chơi 3 người các ô nằm trong tam giác đều, 4 người các ô nằm trong hình vuông và có 4 ô quan.

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

+ Ô ăn quan là bóng hình kỉ niệm của một thời mang cả hương vị quê nhà và niềm vui tuổi thơ.

+ Trò chơi này còn là hình ảnh thật đời thường trong thơ văn của những nghệ sĩ tài hoa

3. Kết bài

Khẳng định giá trị và ý nghĩa của trò chơi và hoạt động đối với con người và cuộc sống: Một trò chơi dễ chơi, mộc mạc lại mang tính trí tuệ như thế lẽ ra phải được coi trọng hơn trong xã hội hiện đại.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 8**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu dưới đây và trả lời các câu hỏi:

VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ NẮNG HỒNG

Nguyễn Văn Thanh

Cả mùa đông lạnh giá

Ngõ quê in chân nhỏ

Mặt trời trốn đi đâu

Lối quê gió lạnh đầy

Cây khoác tấm áo nâu

Nép mình trong áo ấm

Áo trời thì xám ngắt

Vẫn bóng buốt bàn tay

Se se giấu tiếng hát

Màn sương ôm dáng mẹ

Núp sâu trong mái nhà

Chợ xa đang về rồi

Cả chị ong chăm chỉ

Chiếc áo choàng màu đỏ

Cũng không đến vườn hoa

Như đóm nắng đang trôi

Mưa phùn giăng đầy ngõ

Mẹ bước chân đến cửa

Bảng láng như sương mờ

Mang theo giọt nắng hồng

Bếp nhà ai nhóm lửa

Trong nụ cười của mẹ

Khói lên trời đung đưa

Cả mùa xuân sáng bừng

Nhà thơ nữ Bảo Ngọc tên thật là Nguyễn Thị Bích Ngọc quê Khoái Châu, Hưng Yên hiện công tác ở báo Thiếu niên Tiền phong vừa cho ra đời tập thơ viết cho thiếu nhi “Gõ cửa nhà trời” (Tháng 3 – 2019). Bài thơ “Nắng hồng” là một trong ba mươi chín bài thơ trong tập thơ đó của chị.

Bài thơ viết về một miền quê có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông mà mùa đông là mùa trẻ em không thích nhất. Chẳng thế mà mỗi khi mùa đông đến các cô bé, cậu bé đều muốn “gõ cửa nhà trời” để hỏi cho ra lẽ. Những ngày này “mặt trời trốn đi đâu” để cho muôn loài phải thay đổi cả diện mạo bề ngoài lẫn lối sống thường nhật, nào là: “Cây khoác áo màu nâu/ Áo trời thì xám ngắt”. Nào là loài ong là loài cần mẫn, siêng năng, chăm chỉ chuyên đi tìm hoa làm mật cũng phải bỏ việc nằm nhà. Nào là se sẻ hay bay nhảy và riu rít luôn mồm cũng phải thay đổi cả lối sống của riêng mình: “Se sẻ giấu tiếng hát/ Núp sâu trong mái nhà/ Cả chị ong chăm chỉ/ Cũng không đến vườn hoa...”. Se sẻ mà phải giấu tiếng kêu, ong mà đành chịu nằm tổ không đi tìm hoa là một chuyện cực kỳ hiếm gặp. Vì đâu có những hiện tượng lạ đời đó? Tất cả cũng bởi thời tiết mùa đông luôn khắc nghiệt “Mưa phùn giăng đầy ngõ/ Bàng lẳng như sương mờ”. Mưa và gió lạnh đến nỗi “Bếp nhà ai nhóm lửa/ Khói lên trời đung đưa.” Khói bếp mùa đông không thể bay thẳng một mạch lên trời như các mùa khác được mà muốn bay lên trời khói phải oằn mình uốn lượn nhiều lần bởi độ ẩm không khí quá cao lại cộng thêm tác động của mưa và gió. Mặt khác cái lạnh ở nông thôn hình như cũng lạnh hơn thành phố rất nhiều: “Ngõ quê in chân nhò/ Lối quê gió lạnh đầy”. Ở thành phố nhà chen nhà, mật độ dân số dày đặc tỏa ra một lượng nhiệt đáng kể để dễ dàng xua bớt cái rét đi một ít còn ở quê thì ngược lại: “Nếp mình trong áo ấm/ Vẫn cóng buốt bàn tay”.

Khi các em đắm mình trong cái rét buốt của mùa đông ở nông thôn nhà thơ Bảo Ngọc giúp các em tìm lại cái ấm áp của “giọt nắng hồng” mùa xuân qua hình ảnh người mẹ đi chợ về. Hình ảnh quen thuộc ở mọi miền quê: “Màn sương ôm dáng mẹ/ Chợ xa đang về rồi/ Chiếc áo choàng màu đỏ/ Như đóm nắng đang trôi”. Trong tay chiếc áo choàng màu đỏ bình dị đó là tình thương yêu vô bờ bến của người mẹ dành cho con mình, cơ man nào là quà bánh dành cho bé mỗi lần mẹ đi chợ về. Nó làm ấm lòng bé mỗi khi nhìn thấy vóc dáng mẹ xuất hiện từ xa tựa như đóm nắng mùa xuân giữa trời đông lạnh giá. Khổ thơ này và khổ cuối nhà thơ Bảo

Ngọc dùng ngôn ngữ thơ với vài nét phác họa để làm đậm nét thêm hình tượng của người mẹ. Cái cốt lõi nhất và cũng là điều mong ước nhất của nhà thơ là muốn nhắn nhủ với các em rằng mẹ là cả một mùa xuân nồng ấm khi có mẹ thì mùa đông không còn đáng sợ nữa và nó cũng tự biết phải lùi xa: “Mẹ bước chân đến cửa/ Mang theo giọt nắng hồng/ Trong nụ cười của mẹ/ Cả mùa xuân sáng bừng”.

(<http://vanhocnghethuathatinh.org.vn/tho-chon-va-loi-binhnang-hong-1574216503.html>)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại/ tiểu loại nào?

- A. Văn bản thơ
- B. Văn bản nghị luận – Nghị luận văn học
- C. Văn bản nghị luận xã hội
- D. Văn bản tản văn

Câu 2. Đối tượng nghị luận của văn bản là:

- A. Thể thơ năm chữ
- B. Cảm xúc trong thơ
- C. Bài thơ *Nắng hồng*
- D. Vẻ đẹp của thơ ca

Câu 3. Nhan đề “VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ NẮNG HỒNG” cung cấp người đọc những thông tin gì của văn bản?

- A. Nội dung (về đẹp); phạm vi (bài thơ *Nắng hồng*)
- B. Đối tượng bàn luận
- C. Mức độ bàn luận
- D. Các quan điểm khác nhau về vấn đề

Câu 4. Câu nêu ý kiến/ luận điểm 1 (ở đoạn số 2) của văn bản là:

A. Mùa đông là mùa trẻ em không thích nhất

B. Bài thơ viết về một miền quê có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông

C. Những ngày này “mặt trời trốn đi đâu” để cho muôn loài phải thay đổi cả diện mạo bề ngoài lẫn lối sống thường nhật

D. Tất cả cũng bởi thời tiết mùa đông luôn khắc nghiệt

Câu 5. Câu “Nào là loài ong là loài cần mẫn, siêng năng, chăm chỉ chuyên đi tìm hoa làm mật cũng phải bỏ việc nằm nhà” là:

A. Nêu ý kiến

B. Lí lẽ

C. Dẫn chứng gián tiếp

D. Kết luận

Câu 6. Đoạn văn bản từ “Bài thơ viết về...” đến “Vẫn cống buốt bàn tay”, tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào?

A. Phân tích, chứng minh, bình luận, tổng hợp

B. Phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh

C. Giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận

D. Phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ

Câu 7. Hai dòng thơ “Bếp nhà ai nhóm lửa/ Khói lên trời đung đưa” chứng minh điều gì?

A. Tất cả cũng bởi thời tiết mùa đông luôn khắc nghiệt

B. Khói bếp mùa đông không thể bay thẳng một mạch lên trời như các mùa khác được mà muốn bay lên trời khói phải oằn mình uốn lượn nhiều lần...

C. Cái lạnh ở nông thôn hình như cũng lạnh hơn thành phố rất nhiều

D. Cái lạnh khiến loài ong là loài cần mẫn cũng phải bỏ việc nằm nhà.

Câu 8. Câu nêu ý kiến/ luận điểm 2 (ở đoạn số 3) của văn bản là:

- A. Dáng mẹ xuất hiện từ xa tựa như đóm nắng mùa xuân giữa trời đông lạnh giá.
- B. Nhà thơ là muốn nhắn nhủ với các em rằng mẹ là cả một mùa xuân nồng ấm khi có mẹ thì mùa đông không còn đáng sợ nữa
- C. Nhà thơ Bảo Ngọc giúp các em tìm lại cái ấm áp của “giọt nắng hồng” mùa xuân qua hình ảnh người mẹ đi chợ về
- D. Mùa đông cũng tự biết phải lùi xa

Câu 9. Câu “Nó làm ấm lòng bé mỗi khi nhìn thấy vóc dáng mẹ xuất hiện từ xa tựa như đóm nắng mùa xuân giữa trời đông lạnh giá” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Kết luận

Câu 10. Câu cuối: “Cái cốt lõi nhất... xuân sáng bừng” có thể coi là kết luận của văn bản không? Vì sao?

- A. Không. Vì không tách thành đoạn độc lập
- B. Không. Vì chỉ liên quan đến khổ cuối của bài thơ
- C. Có. Vì người mẹ là hình ảnh trung tâm của bài thơ
- D. Có. Vì người mẹ hình tượng làm sáng lên tư tưởng chủ đề của bài thơ

Câu 11. “Khổ thơ này và khổ cuối nhà thơ Bảo Ngọc dùng ngôn ngữ thơ với vài nét phác họa để làm đậm nét thêm hình tượng của người mẹ” viết về giá trị:

- A. Nội dung của bài thơ
- B. Đề tài của bài thơ

C. Đặc điểm hình thức của bài thơ

D. Giá trị tư tưởng của bài thơ

Câu 12. Mục đích của văn bản, vẻ đẹp của bài thơ “Nắng hồng” là:

A. Thể hiện vẻ đẹp của mùa đông nông thôn

B. Khẳng định mùa đông làm thay đổi diện mạo, lối sống của muôn loài

C. Thể hiện vẻ đẹp của mùa đông nông thôn; niềm hạnh phúc của con khi “giọt nắng hồng” mùa xuân, hình ảnh người mẹ đi chợ về

D. Ngôn ngữ thơ làm nên vẻ đẹp của hình tượng người mẹ

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.

a. Tôi cũng cảm thấy mình đã khôn lớn. (Theo Tô Hoài)

b. Việc dùng so sánh tu từ “Lông óng như màu nắng” làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ. (Đinh Trọng Lạc)

c. ...Nhà văn Pháp Véc-nơ đã khiến người đọc nhận ra rằng con người mới thật là dữ dội, bởi con người chứa trong tâm can “một đại dương”. (Lê Phương Liên)

Câu 2. Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc mà em có ấn tượng sâu sắc.

ĐÁP ÁN:**Phần I:****Câu 1 (0.25 điểm):**

Văn bản trên thuộc thể loại/ tiểu loại nào?

- A. Văn bản thơ
- B. Văn bản nghị luận – Nghị luận văn học
- C. Văn bản nghị luận xã hội
- D. Văn bản tản văn

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 2 (0.25 điểm):

Đối tượng nghị luận của văn bản là:

- A. Thể thơ năm chữ
- B. Cảm xúc trong thơ
- C. Bài thơ Nắng hồng
- D. Vẻ đẹp của thơ ca

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 3 (0.25 điểm):

Nhan đề “VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ NẮNG HỒNG” cung cấp người đọc những thông tin gì của văn bản?

- A. Nội dung (về đẹp); phạm vi (bài thơ *Nắng hồng*)
- B. Đối tượng bàn luận
- C. Mức độ bàn luận
- D. Các quan điểm khác nhau về vấn đề

Phương pháp giải:

Chú ý nhan đề, kết hợp với nội dung văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 4 (0.25 điểm):

Câu nêu ý kiến/ luận điểm 1 (ở đoạn số 2) của văn bản là:

- A. Mùa đông là mùa trẻ em không thích nhất
- B. Bài thơ viết về một miền quê có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông
- C. Những ngày này “mặt trời trốn đi đâu” để cho muôn loài phải thay đổi cả diện mạo bề ngoài lẫn lối sống thường nhật

D. Tất cả cũng bởi thời tiết mùa đông luôn khắc nghiệt

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn (1)

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5 (0.25 điểm):

Câu “Nào là loài ong là loài cần mẫn, siêng năng, chăm chỉ chuyên đi tìm hoa làm mật cũng phải bỏ việc nằm nhà” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Kết luận

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 6 (0.25 điểm):

Đoạn văn bản từ “Bài thơ viết về...” đến “Vẫn cống buốt bàn tay”, tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào?

- A. Phân tích, chứng minh, bình luận, tổng hợp
- B. Phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh
- C. Giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận
- D. Phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích từ “Bài thơ viết về...” đến “Vẫn công bút bàn tay”

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 7 (0.25 điểm):

Hai dòng thơ “Bếp nhà ai nhóm lửa/ Khói lên trời đung đưa” chứng minh điều gì?

- A. Tất cả cũng bởi thời tiết mùa đông luôn khắc nghiệt
- B. Khói bếp mùa đông không thể bay thẳng một mạch lên trời như các mùa khác được mà muốn bay lên trời khói phải oằn mình uốn lượn nhiều lần...
- C. Cái lạnh ở nông thôn hình như cũng lạnh hơn thành phố rất nhiều
- D. Cái lạnh khiến loài ong là loài cần mẫn cũng phải bỏ việc nằm nhà.

Phương pháp giải:

Dựa vào ngữ cảnh để trả lời

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 8 (0.25 điểm):

Câu nêu ý kiến/ luận điểm 2 (ở đoạn số 3) của văn bản là:

- A. Dáng mẹ xuất hiện từ xa tựa như đóm nắng mùa xuân giữa trời đông lạnh giá.
- B. Nhà thơ là muốn nhắn nhủ với các em rằng mẹ là cả một mùa xuân nồng ấm khi có mẹ thì mùa đông không còn đáng sợ nữa
- C. Nhà thơ Bảo Ngọc giúp các em tìm lại cái ấm áp của “giọt nắng hồng” mùa xuân qua hình ảnh người mẹ đi chợ về
- D. Mùa đông cũng tự biết phải lùi xa

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn (2)

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 9 (0.25 điểm):

Câu “Nó làm ấm lòng bé mỗi khi nhìn thấy vóc dáng mẹ xuất hiện từ xa tựa như đóm nắng mùa xuân giữa trời đông lạnh giá” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Kết luận

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 10 (0.25 điểm):

Câu cuối: “Cái cốt lõi nhất... xuân sáng bừng” có thể coi là kết luận của văn bản không?
Vì sao?

- A. Không. Vì không tách thành đoạn độc lập
- B. Không. Vì chỉ liên quan đến khổ cuối của bài thơ
- C. Có. Vì người mẹ là hình ảnh trung tâm của bài thơ
- D. Có. Vì người mẹ hình tượng làm sáng lên tư tưởng chủ đề của bài thơ

Phương pháp giải:

Từ nội dung văn bản, chú ý câu văn trên

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 11 (0.25 điểm):

“Khổ thơ này và khổ cuối nhà thơ Bảo Ngọc dùng ngôn ngữ thơ với vài nét phác họa để làm đậm nét thêm hình tượng của người mẹ” viết về giá trị:

- A. Nội dung của bài thơ
- B. Đề tài của bài thơ
- C. Đặc điểm hình thức của bài thơ
- D. Giá trị tư tưởng của bài thơ

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu văn

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 12 (0.25 điểm):

Mục đích của văn bản, vẻ đẹp của bài thơ “Nắng hồng” là:

- A. Thể hiện vẻ đẹp của mùa đông nông thôn
- B. Khẳng định mùa đông làm thay đổi diện mạo, lối sống của muôn loài
- C. Thể hiện vẻ đẹp của mùa đông nông thôn; niềm hạnh phúc của con khi “giọt nắng hồng” mùa xuân, hình ảnh người mẹ đi chợ về
- D. Ngôn ngữ thơ làm nên vẻ đẹp của hình tượng người mẹ

Phương pháp giải:

Từ nội dung rút ra mục đích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Phần II.

Câu 1 (2 điểm):

Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.

- a. Tôi cũng cảm thấy mình đã khôn lớn. (Theo Tô Hoài)

- b. Việc dùng so sánh tu từ “Lông óng như màu nắng” làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ. (Đinh Trọng Lạc)
- c. ...Nhà văn Pháp Véc-nơ đã khiến người đọc nhận ra rằng con người mới thật là dữ dội, bởi con người chứa trong tâm can “một đại dương”. (Lê Phương Liên)

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về cụm động từ

Lời giải chi tiết:

- a. Vị ngữ là cụm động từ *cũng cảm thấy mình đã khôn lớn* có động từ trung tâm là *cảm thấy* và thành tố phụ là cụm chủ vị đứng sau *cảm thấy* (mình đã khôn lớn)
- b. Vị ngữ làm cụm động từ *làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ* có động từ trung tâm là *làm* và thành tố phức là cụm chủ vị đứng sau *làm* (cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ)
- c. Vị ngữ làm cụm động từ *đã khiến người đọc nhận ra rằng con người mới thật là dữ dội, bởi con người chứa trong tâm can "một đại dương"* có động từ trung tâm là *đã khiến* và thành tố phức là cụm chủ vị đứng sau *đã khiến* (người đọc nhận ra rằng con người mới thật là dữ dội, bởi con người chứa trong tâm can "một đại dương")

Câu 2 (5 điểm):

Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc mà em có ấn tượng sâu sắc.

Phương pháp giải:

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.
- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.

- Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.

- Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo:

a. Mở bài

Nêu tên nhân vật hoặc sự việc trong đoạn trích *Bạch tuộc* mà em muốn viết bài văn biểu cảm

b. Thân bài

- Lần lượt nêu những cảm xúc và suy nghĩ từ khái quát đến các biểu hiện cụ thể.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 9**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

PHÂN TÍCH NHÂN VẬT THẠCH SANH

Chàng dũng sĩ Thạch Sanh trong tác phẩm cùng tên là nhân vật cô tích ghi lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người đọc. Truyện xoay quanh những biến cố, những thử thách mà Thạch Sanh phải trải qua để đạt được hạnh phúc. Nhân vật đã thể hiện một cách trọn vẹn và đầy đủ những quan niệm của nhân dân ta về cái thiện, cái ác, về lòng yêu chuộng hòa bình.

Thạch Sanh vốn là con Ngọc Hoàng, vì thương đôi vợ chồng nghèo đã lớn tuổi mà chưa có con nên Ngọc Hoàng sai Thạch Sanh xuống đầu thai làm con. Chàng được sinh ra hết sức đặc biệt, người mẹ mang thai vài năm mới hạ sinh Thạch Sanh và khi chàng vừa không lớn thì mẹ đã qua đời. Chàng sinh sống một mình dưới gốc đa, lấy nghề đồn củi để kiếm sống qua ngày. Thạch Sanh còn được các thiên thần xuống chỉ dạy võ nghệ và các phép thần thông. Ta có thể thấy rằng, sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường với những yếu tố phi thường, kì lạ. Bình thường ở chỗ cha mẹ chàng là người lao động nghèo, hiền lành, tốt bụng, thường giúp đỡ mọi người. Thạch Sanh sớm mồ côi cha mẹ – chàng là đại diện tiêu biểu cho những trẻ mồ côi, một trong những lớp người khốn cùng nhất của xã hội. Để nuôi sống bản thân Thạch Sanh đã dùng tài sản duy nhất của cha để lại là chiếc rìu mang đi đồn củi, công việc của chàng hết sức bình dị, đời thường. Những nét đời thường đó khiến cho nhân vật gần gũi hơn với đời sống nhân dân. Nhưng ẩn đằng sau cái bình dị đó lại là sự xuất thân khác thường: chàng vốn là thái tử được sai xuống trần gian, người mẹ mang thai vài năm mới sinh ra Thạch Sanh, chàng được các thiên thần dạy võ nghệ và phép thuật. Những điểm khác thường đó chính là dấu hiệu báo trước cho người đọc biết những việc làm phi thường của chàng sau này. Đồng thời mở ra hướng phát triển của câu chuyện, làm câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn.

Để đạt đến hạnh phúc cuối cùng, Thạch Sanh đã phải trải qua rất nhiều thử thách. Bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ chằn tinh. Lý Thông lừa cứu công chúa rồi chôn vùi chàng dưới hang sâu, ở đây chàng đã cứu được con trai vua Thủy Tề và được tặng một chiếc đàn thần. Tiêu diệt chằn tinh và đại bàng nên chàng còn bị hồn của chúng báo thù, bị vu oan và nhốt vào ngục tối. Nhờ đàn thần chàng đã tự giải cứu mình, không chỉ vậy còn lật tẩy bộ mặt xảo quyệt của mẹ con Lý Thông, giúp công chúa lấy lại được tiếng nói. Và cuối cùng chàng đã nên duyên với công chúa. Những thử thách mà chàng phải vượt qua ngày càng khó khăn hơn, nhưng đồng nghĩa với đó chiến công và phần thưởng chàng có được cũng một tăng dần. Những việc làm, hành động ấy cho thấy Thạch Sanh là con người thật thà, chất phác, sẵn sàng xả thân vì người khác, chàng chưa một lần suy tính cho lợi ích của bản thân. Không chỉ vậy, Thạch Sanh còn là một con người quả cảm, tài năng, đứng trước những kẻ thù hung hãn như chằn tinh, đại bàng chàng không hề nao núng, dùng sức khỏe và tài năng của mình để đánh bại chúng. Chi tiết chàng tha cho mẹ con Lý Thông về quê còn cho thấy tấm lòng nhân đạo, khoan dung của chàng với kẻ thù của mình. Thạch Sanh là hiện thân của vẻ đẹp toàn mỹ, lý tưởng, luôn đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu, cứu người dân lương thiện. Mọi hành động chàng làm đều vì cuộc sống thanh bình, tốt đẹp của nhân dân. Kết thúc có hậu khi chàng lấy công chúa, mẹ con Lý Thông bị trừng phạt còn thể hiện ước mơ về công lý xã hội của nhân dân ta.

Không chỉ là hiện thân của vẻ đẹp lý tưởng trong quá trình đấu tranh chống lại cái ác, Thạch Sanh còn là biểu tượng của tấm lòng nhân đạo, lòng yêu chuộng hòa bình của dân tộc ta. Trong thử thách cuối cùng, Thạch Sanh thu phục các nước chư hầu đã thể hiện rõ nét nhất điều này. Bằng tài năng, tấm lòng của mình chàng đã dùng tiếng đàn thần làm quân giặc “bùn rùn chân tay, không còn nghĩ được gì tới việc đánh nhau nữa”. Chàng lại dùng niêu cơm thần dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Chi tiết niêu cơm thần vừa phản ánh tấm lòng nhân đạo của Thạch Sanh vừa thể hiện mơ ước ấm no, hạnh phúc của dân tộc ta. Thạch Sanh là sự hội tụ những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân Việt Nam: hiền lành, chất phác, tốt bụng, anh dũng, kiên cường, khoan dung và yêu chuộng hòa bình.

Xây dựng nhân vật Thạch Sanh các tác giả dân gian đã tạo nên cốt truyện hết sức hấp dẫn, kịch tính, tạo hai tuyến nhân vật đối lập mà Thạch Sanh là đại diện cho cái thiện. Bên cạnh đó nhân vật được xây dựng là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố bình thường và phi thường khiến cho nhân vật vừa giản dị, gần gũi nhưng cũng hết sức cao quý. Đi kèm với nhân vật luôn có sự trợ giúp của các đồ vật thần kì (đàn, niêu cơm, cung tên) làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện. Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu, đây là kiểu kết thúc phổ biến của truyện cổ tích. Trải qua

những khó khăn, vất vả, Thạch Sanh đã dành được phần thưởng xứng đáng (lấy công chúa, lên ngôi vua), qua đó còn phản ánh mơ ước, khát vọng, quan niệm ở hiền gặp lành của nhân dân ta.

Thạch Sanh là truyện cổ tích hấp dẫn, giàu kịch tính. Tác phẩm đã dựng lên chân dung của một vị anh hùng toàn tài, toàn mỹ cả về nhân cách lẫn tài năng. Qua nhân vật này, các tác giả dân gian thể hiện mơ ước, niềm tin về đạo đức, công lí và công bằng trong xã hội, đồng thời thể hiện tư tưởng nhân đạo và yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta.

(Nguồn: Bài làm của học sinh)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản truyện
- B. Văn bản nghị luận xã hội
- C. Văn bản nghị luận văn học
- D. Văn bản kí

Câu 2. Đối tượng nghị luận của văn bản là:

- A. Nhân vật Thạch Sanh
- B. Cốt truyện cổ tích Thạch Sanh
- C. Truyện cổ tích hấp dẫn, giàu kịch tính
- D. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Thạch Sanh

Câu 3. Văn bản nghị luận trên có mấy luận điểm?

- A. Năm luận điểm
- B. Bốn luận điểm
- C. Ba luận điểm
- D. Sáu luận điểm

Câu 4. Nhân vật Thạch Sanh được làm sáng tỏ ở những khía cạnh nào?

- A. Lai lịch; trải qua nhiều thử thách; tấm lòng nhân đạo; nghệ thuật xây dựng nhân vật
- B. Một số tính cách tiêu biểu; nghệ thuật xây dựng nhân vật
- C. Trải qua nhiều thử thách; tấm lòng nhân đạo
- D. Lai lịch; trải qua nhiều thử thách; được hưởng hạnh phúc

Câu 5. Câu “Ta có thể thấy rằng, sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường với những yếu tố phi thường kì lạ”. để làm sáng tỏ ý kiến nào?

- A. Thạch Sanh trải qua nhiều thử thách
- B. Lai lịch của Thạch Sanh
- C. Tấm lòng nhân đạo của Thạch Sanh
- D. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Thạch Sanh

Câu 6. Câu: “Chàng sinh sống một mình dưới gốc đa, lấy nghề đốn củi để kiếm sống qua ngày” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Dẫn chứng trực tiếp

Câu 7. “Để đạt đến hạnh phúc cuối cùng, Thạch Sanh đã phải trải qua rất nhiều thử thách” là thành phần nào trong văn nghị luận?

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp

D. Dẫn chứng trực tiếp

Câu 8. Câu “Nhờ đàn thần chàng đã tự giải cứu mình, không chỉ vậy còn lật tẩy bộ mặt xảo quyệt của mẹ con Lý Thông, giúp công chúa lấy lại được tiếng nói” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Dẫn chứng trực tiếp

Câu 9. Đoạn văn bản từ “Không chỉ là hiện thân...” đến “... yêu chuộng hòa bình” có vai trò gì trong văn bản?

- A. Làm sáng tỏ nghệ thuật xây dựng nhân vật
- B. Làm rõ lai lịch bình thường và phi thường, kì lạ của nhân vật
- C. Làm rõ một tính cách của nhân vật – biểu tượng của tâm lòng nhân đạo, lòng yêu chuộng hòa bình
- D. Làm rõ giá trị nhân đạo của tác phẩm

Câu 10. Tác giả đã dùng những luận cứ nào để làm sáng tỏ ý kiến “Xây dựng nhân vật Thạch Sanh”?

- A. Cốt truyện hết sức hấp dẫn, kịch tính, tạo hai tuyến nhân vật đối lập
- B. Kết hợp hài hòa giữa yếu tố bình thường và phi thường
- C. Sự trợ giúp của các đồ vật thần kì; Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 11. Đoạn cuối văn bản thực hiện nhiệm vụ gì trong văn bản phân tích nhân vật?

- A. Vai trò của nhân vật đối với tác phẩm
- B. Đánh giá khái quát về nhân vật, về vai trò của nhân vật đối với tác phẩm

C. Ý nghĩa rút ra từ nhân vật

D. Đánh giá giá trị của tác phẩm

Câu 12. Trường hợp nào nói lên mục đích của văn bản trên?

A. Phân tích tính cách nhân vật Thạch Sanh

B. Làm nổi bật sức hấp dẫn của truyện cổ tích

C. Chứng minh tài năng của tác giả dân gian

D. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Thạch Sanh

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. Xác định số từ số lượng và số từ thứ tự trong những dòng thơ dưới đây. Chỉ ra đặc điểm giúp nhận biết số từ số lượng và số từ thứ tự.

Một canh... hai canh... lại ba canh

Trần trọc bản khoăn, giắc chằng thành

Canh bốn, canh năm vừa chộp mắt,

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

(Không ngủ được, Hồ Chí Minh)

Câu 2. Từ các văn bản *Ca Huế*, *Hội thi thổi cơm*, *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc*

Giang, hãy viết bài thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho hoạt động được giới thiệu hoặc các hoạt động tương tự của địa phương em.

ĐÁP ÁN:**Phần I:****Câu 1 (0.25 điểm):**

Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản truyện
- B. Văn bản nghị luận xã hội
- C. Văn bản nghị luận văn học
- D. Văn bản kí

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 2 (0.25 điểm):

Đối tượng nghị luận của văn bản là:

- A. Nhân vật Thạch Sanh
- B. Cốt truyện cổ tích Thạch Sanh
- C. Truyện cổ tích hấp dẫn, giàu kịch tính
- D. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Thạch Sanh

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý nhân vật chính được tác giả nhắc tới

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 3 (0.25 điểm):

Văn bản nghị luận trên có mấy luận điểm?

- A. Năm luận điểm
- B. Bốn luận điểm
- C. Ba luận điểm
- D. Sáu luận điểm

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 4 (0.25 điểm):

Nhân vật Thạch Sanh được làm sáng tỏ ở những khía cạnh nào?

- A. Lai lịch; trải qua nhiều thử thách; tấm lòng nhân đạo; nghệ thuật xây dựng nhân vật
- B. Một số tính cách tiêu biểu; nghệ thuật xây dựng nhân vật
- C. Trải qua nhiều thử thách; tấm lòng nhân đạo
- D. Lai lịch; trải qua nhiều thử thách; được hưởng hạnh phúc

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5 (0.25 điểm):

Câu “Ta có thể thấy rằng, sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường với những yếu tố phi thường kì lạ”. để làm sáng tỏ ý kiến nào?

- A. Thạch Sanh trải qua nhiều thử thách
- B. Lai lịch của Thạch Sanh
- C. Tấm lòng nhân đạo của Thạch Sanh
- D. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Thạch Sanh

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu văn và xác định nội dung

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 6 (0.25 điểm):

Câu: “Chàng sinh sống một mình dưới gốc đa, lấy nghề đồn củi để kiếm sống qua ngày” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Dẫn chứng trực tiếp

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu văn

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 7 (0.25 điểm):

“Để đạt đến hạnh phúc cuối cùng, Thạch Sanh đã phải trải qua rất nhiều thử thách” là thành phần nào trong văn nghị luận?

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Dẫn chứng trực tiếp

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu văn

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 8 (0.25 điểm):

Câu “Nhờ đàn thân chàng đã tự giải cứu mình, không chỉ vậy còn lật tẩy bộ mặt xảo quyệt của mẹ con Lý Thông, giúp công chúa lấy lại được tiếng nói” là:

- A. Nêu ý kiến
- B. Lí lẽ
- C. Dẫn chứng gián tiếp
- D. Dẫn chứng trực tiếp

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu văn

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 9 (0.25 điểm):

Đoạn văn bản từ “Không chỉ là hiện thân...” đến “... yêu chuộng hòa bình” có vai trò gì trong văn bản?

- A. Làm sáng tỏ nghệ thuật xây dựng nhân vật
- B. Làm rõ lai lịch bình thường và phi thường, kì lạ của nhân vật
- C. Làm rõ một tính cách của nhân vật – biểu tượng của tấm lòng nhân đạo, lòng yêu chuộng hòa bình
- D. Làm rõ giá trị nhân đạo của tác phẩm

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn văn, từ nội dung rút ra vai trò

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 10 (0.25 điểm):

Tác giả đã dùng những luận cứ nào để làm sáng tỏ ý kiến “Xây dựng nhân vật Thạch Sanh”?

- A. Cốt truyện hết sức hấp dẫn, kịch tính, tạo hai tuyến nhân vật đối lập
- B. Kết hợp hài hòa giữa yếu tố bình thường và phi thường
- C. Sự trợ giúp của các đồ vật thần kì; Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu
- D. Tất cả đáp án trên

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu văn

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 11 (0.25 điểm):

Đoạn cuối văn bản thực hiện nhiệm vụ gì trong văn bản phân tích nhân vật?

- A. Vai trò của nhân vật đối với tác phẩm
- B. Đánh giá khái quát về nhân vật, về vai trò của nhân vật đối với tác phẩm
- C. Ý nghĩa rút ra từ nhân vật
- D. Đánh giá giá trị của tác phẩm

Phương pháp giải:

Từ nội dung rút ra vai trò, nhiệm vụ của đoạn cuối

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 12 (0.25 điểm):

Trường hợp nào nói lên mục đích của văn bản trên?

- A. Phân tích tính cách nhân vật Thạch Sanh
- B. Làm nổi bật sức hấp dẫn của truyện cổ tích
- C. Chứng minh tài năng của tác giả dân gian
- D. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Thạch Sanh

Phương pháp giải:

Từ nội dung rút ra mục đích văn bản

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Phần II.

Câu 1 (2 điểm):

Xác định số từ số lượng và số từ thứ tự trong những dòng thơ dưới đây. Chỉ ra đặc điểm giúp nhận biết số từ số lượng và số từ thứ tự.

Một canh... hai canh... lại ba canh

Trần trọc bán khoán, giắc chẳng thành

Canh bốn, canh năm vừa chợ mắt,

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

(Không ngủ được, Hồ Chí Minh)

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn trích, vận dụng kiến thức về số từ

Lời giải chi tiết:

- Số từ chỉ số lượng:

Một canh... **hai** canh... lại **ba** canh

Trần trọc bán khoán, giắc chẳng thành

...

Sao vàng **năm** cánh mộng hồn quanh

- Số từ chỉ thứ tự:

Canh **bốn**, canh **năm** vừa chợ mắt,

- Đặc điểm giúp nhận biết số từ số lượng và số từ thứ tự: khi nói về số lượng, số từ thường đứng trước danh từ, còn khi để biểu thị thứ tự của sự vật thì số từ thường đứng sau danh từ

Câu 2 (5 điểm):

Từ các văn bản *Ca Huế*, *Hội thi thổi cơm*, *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*, hãy viết bài thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho hoạt động được giới thiệu hoặc các hoạt động tương tự của địa phương em.

Phương pháp giải:

Liên hệ các hoạt động ở địa phương em

Lời giải chi tiết:

Dàn ý:

- **Mở bài:** Giới thiệu hoạt động hay trò chơi.

Ví dụ: Hội Dâu được tổ chức vào mùng 8 tháng 4 âm lịch hàng năm. Chùa Dâu là một ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào những năm đầu thế kỉ XV.

- **Thân bài:** Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định.

Ví dụ: Hội Dâu

+ Thời gian: mùng 8 tháng 4 âm lịch hàng năm

+ Địa điểm: Chùa Dâu là một ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào những năm đầu thế kỉ XV

+ Diễn biến lễ hội:...

- **Kết bài:** Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi

Ví dụ: Lễ hội thể hiện trình độ tổ chức cao, sự kết hợp giữa làng xã và ý thức cộng đồng, cuốn hút khách thập phương với những nét nghệ thuật, văn hóa đặc sắc, phong phú.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ 10**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

ANH THỢ GÓM – Huy Cận*Nắng lên hồng ban mai**Bình đẹp nghìn xưa cũ**Anh thợ gốm ngồi xoay**Tay ông cha giao về**Đất mịn nhào với nắng**Đang sống lại tươi tắn**Hình đẹp nở trong tay.**Trong bàn tay vuốt ve...**Gió xuân man mát thổi**Bình cao dáng trẻ thon**Cỏ non ròn ngoài đê**Lọ nhón thân đầy tròn**Mùa xuân đang tạo lại**Đẹp phúc đầy của mẹ**Cây lá trên đồng quê.**Đẹp duyên hiền của con.**Anh ngồi xoay ung dung**Xoay xoay bàn gỗ ơi,**Ánh sáng rọi theo cùng**Nước mát nhào đất tôi**Ngực anh màu nắng đượm**Anh làm theo cái đẹp**Đẹp hồng như đất nung.**Chưa có ở trong đời...*

Câu 1. Xác định đề tài của bài thơ:

- A. Người lao động
- B. Tình yêu quê hương đất nước
- C. Người nghệ sĩ
- D. Người nông dân

Câu 2. Đối tượng trữ tình của bài thơ là:

- A. Nghề gốm nghệ thuật
- B. Anh thợ gốm tài hoa
- C. Người lao động khéo léo
- D. Khung cảnh lao động tươi vui

Câu 3. Người thợ gốm được gọi tả trong tư thế nào?

- A. Đang ngắm nghía sản phẩm của mình
- B. Đang vuốt bình theo nhịp xoay
- C. Đang trong quá trình chế tác những chiếc bình cổ, tạo sản phẩm mới
- D. Đang đập bàn xoay

Câu 4. *Ngực anh màu nắng đượm/ Đẹp hồng như đất nung* sử dụng nghệ thuật nào, gọi tả về đẹp nào của thợ gốm?

- A. Ẩn dụ, so sánh, gọi tả vẻ khỏe khoắn, rắn rỏi... tuyệt đẹp của anh thợ gốm.
- B. Nghệ thuật so sánh, gọi tả vẻ đẹp phi thường của anh thợ gốm
- C. Nghệ thuật so sánh, gọi tả vẻ đẹp dung dị trong nắng của anh thợ gốm
- D. Nghệ thuật so sánh, gọi tả sự cần mẫn của anh thợ gốm

Câu 5. Hình ảnh nào đã được lặp lại ba lần trong bài thơ? Chúng gợi tả và làm nổi bật điều gì về con người lao động?

- A. Hình ảnh bàn tay gợi sự khỏe khoắn, nhanh nhẹn của người thợ thủ công
- B. Hình ảnh bàn tay gợi thao tác khéo léo, điêu luyện của nghệ nhân
- C. Hình ảnh xoay xoay gợi sự liên tục tuần hoàn trong lao động
- D. Hình ảnh nắng gợi khung cảnh lao động tràn ngập ánh sáng

Câu 6. Mùa xuân và người thợ gốm có nét tương đồng nào?

- A. Đều tràn đầy sức sống
- B. Đều xuất hiện trong nắng rực rỡ
- C. Con người và mùa xuân đang sáng tạo cái đẹp, sự sống
- D. Cùng tạo nên không gian tươi sáng của mùa xuân

Câu 7. Bài thơ sử dụng những biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh, nhân hóa, hoán dụ
- B. So sánh, nhân hóa, liệt kê
- C. So sánh, câu hỏi tu từ, ẩn dụ
- D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ

Câu 8. Quá trình tạo nguyên liệu gốm được gợi tả trong những dòng thơ nào?

- A. *Đất mịn nhào với nắng/ Nước mát nhào đất tôi.*
- B. *Hình đẹp nở trong tay/ Trong bàn tay vuốt ve...*
- C. *Ngực anh màu nắng đượm/ Đẹp hồng như đất nung*
- D. *Mùa xuân đang tạo lại/ Cây lá trên đồng quê*

Câu 9. Những câu thơ sau giúp ta hiểu gì về sản phẩm của người thợ gốm tạo nên?

“Bình đẹp nghìn xưa cũ

Tay ông cha giao về”

“Anh làm thêm cái đẹp

Chưa có ở trong đời...”

- A. Tái hiện sản phẩm truyền thống của ông cha và sáng tạo sản phẩm mới
- B. Tái hiện sản phẩm truyền thống của ông cha trong dáng hình mới
- C. Phục cổ sản phẩm truyền thống của ông cha
- D. Sáng tạo sản phẩm mới (không theo lối mòn xưa)

Câu 10. Dấu ba chấm (...) ở cuối bài thơ chứa đựng điều gì?

- A. Ngập ngừng chưa diễn tả hết sự khâm phục người lao động
- B. Sự sáng tạo của thợ gốm là vô tận, sáng tạo nối tiếp sáng tạo cho đời
- C. Chưa kể sự sáng tạo của nghệ nhân
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 11. Hai câu thơ sau thể hiện vẻ đẹp nào?

- *Hình đẹp nở trong tay*

- *Trong bàn tay vuốt ve...*

- A. Đôi bàn tay của nghệ nhân
- B. Sự sáng tạo trong lao động
- C. Hình dáng mềm mại của bình gốm
- D. Cái đẹp được sản sinh từ bàn tay

Câu 12. Tình cảm của nhà thơ đối với người lao động:

- A. Cảm thông với nghề lao động nặng nhọc
- B. Ngưỡng mộ, khâm phục
- C. Trân trọng người lao động sáng tạo
- D. B và C đúng

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó.

- a) Đã có lúc, Văn Cao tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. (Ngọc An)
- b) Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. (Đình Trọng Lạc)

Câu 2. Hãy viết bài thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho hoạt động được giới thiệu hoặc các hoạt động của địa phương em.

ĐÁP ÁN:

Phần I:

Câu 1 (0.25 điểm):

Xác định đề tài của bài thơ:

- A. Người lao động
- B. Tình yêu quê hương đất nước
- C. Người nghệ sĩ
- D. Người nông dân

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ, từ nội dung xác định đề tài

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 2 (0.25 điểm):

Đối tượng trữ tình của bài thơ là:

- A. Nghề gốm nghệ thuật
- B. Anh thợ gốm tài hoa
- C. Người lao động khéo léo
- D. Khung cảnh lao động tươi vui

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 3 (0.25 điểm):

Người thợ gốm được gọi tả trong tư thế nào?

- A. Đang ngắm nghía sản phẩm của mình
- B. Đang vượt bình theo nhịp xoay
- C. Đang trong quá trình chế tác những chiếc bình cổ, tạo sản phẩm mới
- D. Đang đập bàn xoay

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 4 (0.25 điểm):

Ngực anh màu nắng đượm/ Đẹp hồng như đất nung sử dụng nghệ thuật nào, gợi tả vẻ đẹp nào của thợ gốm?

- A. Ẩn dụ, so sánh, gợi tả vẻ khỏe khoắn, rắn rỏi... tuyệt đẹp của anh thợ gốm.
- B. Nghệ thuật so sánh, gợi tả vẻ đẹp phi thường của anh thợ gốm
- C. Nghệ thuật so sánh, gợi tả vẻ đẹp dung dị trong nắng của anh thợ gốm
- D. Nghệ thuật so sánh, gợi tả sự cần mẫn của anh thợ gốm

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5 (0.25 điểm):

Hình ảnh nào đã được lặp lại ba lần trong bài thơ? Chúng gợi tả và làm nổi bật điều gì về con người lao động?

- A. Hình ảnh bàn tay gợi sự khỏe khoắn, nhanh nhẹn của người thợ thủ công
- B. Hình ảnh bàn tay gợi thao tác khéo léo, điêu luyện của nghệ nhân
- C. Hình ảnh xoay xoay gợi sự liên tục tuần hoàn trong lao động

D. Hình ảnh nắng gọi khung ảnh lao động tràn ngập ánh sáng

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 6 (0.25 điểm):

Mùa xuân và người thợ gốm có nét tương đồng nào?

- A. Đều tràn đầy sức sống
- B. Đều xuất hiện trong nắng rực rỡ
- C. Con người và mùa xuân đang sáng tạo cái đẹp, sự sống
- D. Cùng tạo nên không gian tươi sáng của mùa xuân

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 7 (0.25 điểm):

Bài thơ sử dụng những biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh, nhân hóa, hoán dụ
- B. So sánh, nhân hóa, liệt kê
- C. So sánh, câu hỏi tu từ, ẩn dụ
- D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ

Phương pháp giải:

Đọc kỹ bài thơ và xác định biện pháp tu từ được sử dụng

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 8 (0.25 điểm):

Quá trình tạo nguyên liệu gốm được gợi tả trong những dòng thơ nào?

- A. *Đất mịn nhào với nắng/ Nước mát nhào đất tôi.*
- B. *Hình đẹp nở trong tay/ Trong bàn tay vuốt ve...*
- C. *Ngực anh màu nắng đượm/ Đẹp hồng như đất nung*
- D. *Mùa xuân đang tạo lại/ Cây lá trên đồng quê*

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 9 (0.25 điểm):

Những câu thơ sau giúp ta hiểu gì về sản phẩm của người thợ gốm tạo nên?

“Bình đẹp nghìn xưa cũ

Tay ông cha giao về”

“Anh làm thêm cái đẹp

Chưa có ở trong đời...”

- A. Tái hiện sản phẩm truyền thống của ông cha và sáng tạo sản phẩm mới
- B. Tái hiện sản phẩm truyền thống của ông cha trong dáng hình mới
- C. Phục cổ sản phẩm truyền thống của ông cha
- D. Sáng tạo sản phẩm mới (không theo lối mòn xưa)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 10 (0.25 điểm):

Dấu ba chấm (...) ở cuối bài thơ chứa đựng điều gì?

- A. Ngập ngừng chưa diễn tả hết sự khâm phục người lao động
- B. Sự sáng tạo của thợ gốm là vô tận, sáng tạo nối tiếp sáng tạo cho đời
- C. Chưa kể sự sáng tạo của nghệ nhân

D. Tất cả đáp án trên

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về dấu ba chấm (...)

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 11 (0.25 điểm):

Hai câu thơ sau thể hiện vẻ đẹp nào?

- *Hình đẹp nở trong tay*

- *Trong bàn tay vuốt ve...*

- A. Đôi bàn tay của nghệ nhân
- B. Sự sáng tạo trong lao động
- C. Hình dáng mềm mại của bình gốm
- D. Cái đẹp được sản sinh từ bàn tay

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 12 (0.25 điểm):

Tình cảm của nhà thơ đối với người lao động:

- A. Cảm thông với nghề lao động nặng nhọc
- B. Ngưỡng mộ, khâm phục
- C. Trân trọng người lao động sáng tạo
- D. B và C đúng

Phương pháp giải:

Từ nội dung bài thơ xác định cảm xúc của nhà thơ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Phần II.

Câu 1 (2 điểm):

Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó.

- a) Đã có lúc, Văn Cao tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. (Ngọc An)
- b) Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. (Đình Trọng Lạc)

Phương pháp giải:

Đọc ngữ liệu, tìm cụm động từ trong vị ngữ

P h à n	Vị ngữ là cụm động từ	Động từ trung tâm	Cụm C-V
a	tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên	tưởng	mình/ không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên
b	cũng làm ký ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ	làm	ký ức ta/ quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ

Lời giải chi tiết:

Câu 2 (5 điểm):

Hãy viết bài thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho hoạt động được giới thiệu hoặc các hoạt động của địa phương em.

Phương pháp giải:

Nêu cảm nhận của bản thân em

Lời giải chi tiết:

Bài tham khảo:

Lễ hội là tín ngưỡng văn hóa của mỗi dân tộc. Hầu như làng, xã nào cũng có lễ hội được tổ chức vào đầu xuân. Mọi người dân Thuận Thành, Bắc Ninh thường có câu ca:

Dù ai buôn đâu, bán đâu

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về

Dù ai buôn bán trăm nghề

Nhớ ngày mồng tám thì về hội Dâu.

Câu ca dao như một lời nhắc nhở các tín đồ phật giáo hãy nhớ về hội Dâu được tổ chức vào đầu xuân hàng năm.

Hội Dâu được tổ chức vào mùng 8 tháng 4 âm lịch hàng năm. Chùa Dâu là một ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào những năm đầu thế kỉ XV. Mặc dù vậy chùa Dâu vẫn giữ được những nét nguyên bản từ khi được xây dựng tới nay. Hàng năm, chùa Dâu thu hút rất nhiều tín đồ đến thắp hương, đặc biệt là vào dịp lễ hội. Vào mỗi dịp lễ hội, người dân háo hức tổ chức sửa sang chùa chiền. Ngay từ chiều mùng 7 đã có lễ rước các bà Dâu, bà Đậu, bà Đản, bà Keo mà theo truyền thuyết bốn bà được tạc từ một cây dâu, chị cả là bà Dâu nên chùa Dâu được xây dựng lớn nhất. Đặc biệt vào ngày mồng 7, các vãi đến để cúng, quét dọn và làm lễ rửa chùa. Ngày hội chính diễn ra rất sôi động, náo nhiệt. Mọi người đến đây với lòng thành kính, kính mong đức phật ban cho sự an lành, ấm no. Chùa có rất nhiều gian, điện, đặc biệt có pho tượng Kim Đồng - Ngọc Nữ đạt đến chuẩn mực nghệ thuật cao với các tỉ lệ của người thật. Hành lang hai bên có những pho tượng với nhiều tư thế, nét mặt khác nhau. Người ta đến lễ hội không chỉ để thắp hương, cầu an mà còn để vui chơi, đón không khí ngày xuân. Có rất nhiều trò chơi được tổ chức trong lễ hội như: đu quay, hát quan họ đối đáp, giao duyên giữa các liền anh, liền chị dưới thuyền rồng với những trang phục mớ ba, mớ bảy cổ truyền. Khắp sân chùa là những hàng bán đồ cúng, những nén hương trầm, hay những đồ chơi dân gian cho trẻ em như sáo, trống... hoặc chỉ là những bông lan thơm ngát. Tất cả tạo ra một không khí cộng đồng ấm cúng. Mọi người quên đi sự bận rộn, quên đi sự bon chen, thách thức để nhớ tới đức phật cùng sự thánh thiện, nhớ tới cõi bình an của tâm hồn. Khoảng 7 giờ sáng ngày 8/4, người ta đã nghe thấy tiếng chiêng, tiếng trống và tiếng cúng tế dâng sớ cầu mong bình an, lay tạ các vị thánh thần, phật pháp của đội tế lễ tứ sắc chùa lập ra. Đặc biệt, ở lễ hội Dâu thờ Tứ Pháp là Pháp Vân (bà Dâu), Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lô.

Sau khi các cụ làm lễ xong, đoàn rước từ chùa Tổ bắt đầu quay về, hàng đoàn người kéo nhau đi theo hộ tống. Người đi đầu cầm bình nước, người thứ hai dâng hương, tiếp đó là đoàn kiệu được những trai tráng của làng khiêng. Họ mặc những trang phục như quân tốt đồ thời xưa, theo sau là các bà mặc áo nâu đội sớ. Người cầm nước vừa đi vừa cầm cành trúc vẩy nước vào những người xung quanh như ban sự may mắn cho mọi người. Người ta quan niệm rằng ai

được vẩy nước vào sẽ may mắn, được Phật ban phước quanh năm và được Phật phù hộ, bảo vệ. Khi hội tan, mọi người về rồi thắp hương ở ngoài sân thờ nhớ lời hẹn gặp năm sau. Nhưng lạ lùng hơn hầu như năm nào sau hội trời cũng mưa và người dân cho đây là lễ tẩy chùa, ở một khía cạnh nào đó thì đây được coi như một điều linh nghiệm huyền bí.

Lễ hội thể hiện trình độ tổ chức cao, sự kết hợp giữa làng xã và ý thức cộng đồng, cuốn hút khách thập phương với những nét nghệ thuật, văn hóa đặc sắc, phong phú. Đối với Bắc Ninh, cái nôi của Phật giáo thì đây là dịp thể hiện sự tài hoa, tinh tế, lịch lãm trong văn hóa ứng xử, giao tiếp. Là một người con của Bắc Ninh, em cảm thấy tự hào về truyền thống của quê hương mình và em sẽ luôn có ý thức bảo vệ và gìn giữ những nét văn hóa ấy, đặc biệt là những lễ hội truyền thống mang đậm nét văn hóa dân tộc vào những ngày đầu xuân.

Loigiaihay.com